

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN
TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NINH BÌNH

Chủ nhiệm đề tài: ThS. HÀ THỊ MINH NGÀ

Đơn vị: KHOA KINH TẾ

NINH BÌNH, 2023

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN
TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NINH BÌNH

Chủ nhiệm đề tài: ThS. HÀ THỊ MINH NGÀ

Đơn vị: KHOA KINH TẾ

Thành viên tham gia: ThS. ĐỖ THỊ THỦY

ThS. PHAN THỊ HẰNG NGÀ

ThS. BÙI THỊ NHUNG

ThS. VŨ THỊ MINH HUYỀN

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

(họ tên, chữ ký)

Đặng Thị Thu Hà

Chủ nhiệm nhiệm vụ

(họ tên, chữ ký)

Hà Thị Minh Ngà

NINH BÌNH, 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	VII
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	VIII
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI.....	IX
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	2
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài	1
3. Mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN	4
4.1. Đối tượng nghiên cứu	4
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	4
5.1. Cách tiếp cận	4
5.2. Phương pháp nghiên cứu	4
6. Nội dung nghiên cứu	5
CHƯƠNG 1.....	6
TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN, HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN VÀ PHẦN MỀM KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.....	6
1.1. Tổng quan về kế toán.....	6
1.1.1. Bản chất của kế toán.....	6
1.1.2. Đối tượng của kế toán.....	6
1.1.3. Vai trò, yêu cầu, nguyên tắc của kế toán	7
1.2. Khái quát chung về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp....	12
1.2.1. Khái niệm về hệ thống thông tin kế toán	12
1.2.2. Cấu trúc hệ thống thông tin kế toán.....	13
1.2.3. Vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.....	15
1.2.4. Nội dung tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	16

1.2.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	16
1.2.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.	17
1.2.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán.	19
1.2.4.4. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán.....	19
1.2.4.5. Tổ chức báo cáo kế toán và cung cấp thông tin kế toán	20
1.2.4.6. Lưu trữ dữ liệu và dữ liệu kế toán trong máy tính:.....	22
1.3. Khái quát chung về phần mềm kế toán	24
1.3.1. <i>Khái niệm và phân loại phần mềm kế toán</i>	24
1.3.2. <i>Tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán.....</i>	25
1.3.3. <i>Lợi ích của việc ứng dụng phần mềm kế toán</i>	26
1.3.4. <i>Các tiêu chuẩn lựa chọn phần mềm kế toán tốt nhất cho doanh nghiệp</i> <i>27</i>	
1.3.5. <i>Nhân tố tác động đến việc lựa chọn phần mềm kế toán.....</i>	27
1.3.6. <i>Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán.....</i>	29
CHƯƠNG 2.....	31
THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NINH BÌNH....	31
2.1. Đặc điểm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Ninh Bình	31
2.1.1. <i>Khái quát chung về doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt nam</i>	31
2.2.2. <i>Đặc điểm của doanh nghiệp vừa và nhỏ.....</i>	33
2.2. Khảo sát thực trạng sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Ninh Bình.....	36
2.2.1. <i>Khảo sát doanh nghiệp và loại phần mềm các doanh nghiệp lựa chọn sử</i> <i>dụng trên địa bàn thành phố Ninh Bình.....</i>	37
2.2.2. <i>Nhân tố tác động đến việc lựa chọn phần mềm kế toán</i>	40
2.2.2.1. <i>Yêu cầu của người dùng phần mềm</i>	41
2.2.2.2. <i>Các tính năng của phần mềm.....</i>	42
2.2.2.3. <i>Chi phí sử dụng phần mềm</i>	44
2.2.2.4. <i>Nhà cung cấp phần mềm.....</i>	45
2.2.2.5. <i>Dịch vụ sau bán hàng</i>	46
2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán.	48
2.2.3.1. <i>Trình độ kế toán viên</i>	49
2.2.3.2. <i>Khả năng ứng dụng phần mềm kế toán của doanh nghiệp</i>	49
2.2.3.3. <i>Đặc điểm của phần mềm kế toán doanh nghiệp lựa chọn</i>	50
2.2.3.4. <i>Chính sách của Doanh nghiệp</i>	51

2.2.4. Các yếu tố cần thiết để nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán	52
2.4. Đánh giá chung về thực trạng sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn Ninh Bình.....	52
CHƯƠNG 3.....	57
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NINH BÌNH.....	57
3.1. Giải pháp nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán.....	57
3.1.1. Giải pháp lựa chọn phần mềm kế toán có chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả.....	57
3.1.2. Lựa chọn nhà cung cấp và dịch vụ sau bán hàng của nhà cung cấp PMKT	58
3.1.3. Lựa chọn chất lượng phần cứng	59
3.1.4. Nâng cao năng lực quản lý tại đơn vị.....	59
3.2. Một số điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Ninh Bình.....	59
TÀI LIỆU THAM KHẢO	63
PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT	64
PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH DOANH NGHIỆP THAM GIA KHẢO SÁT. 71	

DANH MỤC HÌNH VẼ

<i>Hình 1.1. Mô hình hệ thống thông tin kế toán tự động hóa.....</i>	<i>13</i>
<i>Hình 2.1. Về giới tính.....</i>	<i>38</i>
<i>Hình 2.2. Về độ tuổi.....</i>	<i>39</i>
<i>Hình 2.3. Về trình độ.....</i>	<i>39</i>
<i>Hình 2.5. Chính sách của doanh nghiệp.....</i>	<i>51</i>
<i>Hình 2.6. Cơ sở vật chất.....</i>	<i>51</i>

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 2.1. Tiêu chí quy định doanh nghiệp nhỏ và vừa.....</i>	<i>32</i>
<i>Bảng 2.2. Kết quả số phiếu khảo sát.....</i>	<i>38</i>
<i>Bảng 2.3. Phần mềm kế toán đang được sử dụng tại TP Ninh Bình.....</i>	<i>40</i>
<i>Bảng 2.4. Yêu cầu của người dùng phần mềm.....</i>	<i>42</i>
<i>Bảng 2.5. Các tính năng của phần mềm.....</i>	<i>44</i>
<i>Bảng 2.6. Chi phí sử dụng phần mềm.....</i>	<i>45</i>
<i>Bảng 2.7. Nhà cung cấp phần mềm.....</i>	<i>46</i>
<i>Bảng 2.8. Dịch vụ sau bán hàng.....</i>	<i>47</i>
<i>Bảng 2.9. Đối tượng trả lời phiếu hỏi.....</i>	<i>49</i>
<i>Bảng 2.10. Phần mềm kế toán đang được sử dụng tại TP Ninh Bình.....</i>	<i>50</i>

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ đầy đủ
1	VCSH	Vốn chủ sở hữu
2	AIS	Hệ thống thông tin kế toán
3	SQL	Ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc
4	DBMS	Hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	DN	Doanh nghiệp
7	PMKT	Phần mềm kế toán
8	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
9	KCN	Khu công nghiệp
10	TP	Thành phố
11	DNTM	Doanh nghiệp thương mại

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1. Tên nhiệm vụ KH&CN: Thực trạng sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

2. Lĩnh vực nghiên cứu: *Kế toán*

3. Loại hình nghiên cứu: Ứng dụng

4. Thời gian thực hiện: 11 tháng (từ tháng 12 năm 2022 đến tháng 11 năm 2023)

5. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

Họ và tên: HÀ THỊ MINH NGÀ

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Chuyên ngành đào tạo: Kế toán

Chức vụ: Giảng viên

Số điện thoại: 0963.250.085

Email: htmnga@hluv.edu.vn

6. Những thành viên tham gia nghiên cứu

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao	Chữ ký
1	ThS. Hà Thị Minh Nga	Khoa Kinh tế, Kế toán	Viết đề cương, viết chương 1, chương 2, chương 3.	
2	ThS. Bùi Thị Nhung	Khoa Kinh tế, Quản trị kinh doanh	Thu thập dữ liệu, phát phiếu khảo sát, phân tích số liệu. viết nội dung chương 2	
3	ThS. Đỗ Thị Thuỷ	Khoa Kinh tế, Kế toán	Thu thập dữ liệu, phát phiếu khảo	

			sát, phân tích số liệu; viết chương 1, 2	
4	ThS. Phan Thị Hằng Nga	Khoa Kinh tế, Quản trị kinh doanh	Viết nội dung chương 2, chương 3	
5	ThS. Vũ Thị Minh Huyền	Khoa Kinh tế, Kế toán	Thu thập dữ liệu, phát phiếu khảo sát, phân tích số liệu. Viết nội dung chương 1,2	

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phần mềm kế toán ngày nay đã trở thành một công cụ đắc lực đối với công tác kế toán tại mỗi doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán nhanh chóng kịp thời, độ chính xác tin cậy cao, tiết kiệm chi phí vận hành bộ máy kế toán giúp công tác kế toán đạt hiệu quả cao. Trong thời đại 4.0 xu hướng tự động hoá công tác kế toán cũng đã và đang từng bước giúp các doanh nghiệp hoà nhập với thế giới và đổi mới cách thức làm kế toán, việc sử dụng phần mềm kế toán, lưu trữ dữ liệu và xử lý công tác kế toán ở bất kỳ nơi nào hay trong điều kiện nào giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiết kiệm được chi phí cho việc quản lý, lưu trữ, xử lý công tác kế toán và linh hoạt công tác kế toán dù trong môi trường nào. Trên địa bàn thành phố Ninh Bình những năm gần đây, các Doanh nghiệp vừa và nhỏ đã đưa phần mềm kế toán vào phục vụ công tác kế toán. Tuy nhiên, mức độ sử dụng cũng như hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán ở các đơn vị chưa thực sự hiệu quả và đạt được kết quả tốt nhất.

Mục tiêu nghiên cứu: Trên cơ sở khảo sát thực trạng thực tế sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Ninh Bình từ đó đánh giá thực trạng sử dụng và đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong các doanh nghiệp.

Tính mới và tính sáng tạo của đề tài: Nghiên cứu về thực trạng sử dụng phần mềm kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ninh Bình là nội dung nghiên cứu mới, chưa có nghiên cứu nào trong giai đoạn gần đây. Thông qua nội dung nghiên cứu của đề tài cho thấy các DN hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tài chính rất cần thiết có một phần mềm kế toán chuyên dụng phục vụ tốt cho công tác kế toán.

Tóm lược kết quả nghiên cứu: Trên cơ sở lý luận về kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phần mềm kế toán, thực trạng về sử dụng phần mềm kế toán ở Việt Nam cũng như ở địa bàn thành phố Ninh Bình nhóm tác giả đã mạnh dạn đưa ra một số giải pháp cho công tác thiết kế phần mềm kế toán sao cho phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, kiến nghị hỗ trợ nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán, đề xuất với doanh nghiệp về quản lý bộ phận kế toán và ứng

dụng công nghệ thông tin về phần cứng và phần mềm kế toán đào tạo nhân viên kế toán có kiến thức về công nghệ thông tin cũng như phần mềm kế toán.

Đóng góp về mặt kinh tế xã hội, giáo dục và đào tạo:

- Đề tài là tài liệu tham khảo cho các giảng viên và sinh viên kinh tế Trường Đại học Hoa Lư.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài này được chính quyền địa phương tham khảo, vận dụng vào địa phương trong điều kiện hiện nay.

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập và phát triển, các doanh nghiệp không ngừng mở rộng và phát triển, nhu cầu về thông tin kinh tế kế toán ngày càng cao, thông tin cung cấp cần nhanh chóng kịp thời để đưa ra các quyết định, trong khi kế toán thủ công không còn đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của nền kinh tế nữa. Các doanh nghiệp cần lựa chọn cho mình 1 phần mềm kế toán nhằm nâng cao chất lượng công tác kế toán tài chính tại đơn vị. Nghiên cứu về thực trạng sử dụng phần mềm kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ninh Bình là nội dung nghiên cứu mới, chưa có nghiên cứu nào trong giai đoạn gần đây. Dưới đây chúng tôi khái quát một số nghiên cứu cơ bản đã tham khảo về thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán của các doanh nghiệp như sau:

1) Nguyễn Thị Mai Hoà (2016), Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP đầu tư kinh doanh tổng hợp D&C, luận văn thạc sỹ, trường Đại học Lao động - Xã hội Hà Nội. Đề tài nghiên cứu lý luận chung về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp từ đó đánh giá thực trạng hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP đầu tư kinh doanh tổng hợp D&C và đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại đơn vị. Đề tài đã phân tích được thực trạng sử dụng thông tin ứng dụng phần mềm kế toán tuy nhiên chỉ dừng lại tại một đơn vị cụ thể.

2) Nguyễn Quỳnh Trang (2020). *Nghiên cứu tác động của chất lượng thông tin kế toán đến quá trình ra quyết định của doanh nghiệp Việt Nam*. Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Luận văn trên cơ sở lý thuyết về hệ thống thông tin doanh nghiệp, nghiên cứu tác động của chất lượng thông tin kế toán đến quá trình ra quyết định của doanh nghiệp Việt Nam từ đó đưa ra các giải pháp trong tổ chức quản lý thông tin kế toán để tăng cao hiệu suất quản trị chi phí ở các doanh nghiệp Việt Nam.

3) Nguyễn Thị Thanh Hoa (2017), Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn PMKT của các DN vừa và nhỏ tại TPHCM, Luận văn Thạc sỹ, ĐH Kinh tế TP HCM. Luận văn trên cơ sở nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của các doanh nghiệp để khảo sát và phân tích thực trạng tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại TPHCM về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán. Các giải pháp luận văn đưa ra cho các DN vừa và nhỏ tại TPHCM là những giải pháp cho một bộ phận DN tại 1 thành phố lớn, có tính khả thi và phù hợp với điều kiện của địa phương.

4) Bài viết “Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh” trên trang

<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/giai-phap-nang-cao-hieu-qua-su-dung-phan-mem-ke-toan-tai-cac-doanh-nghiep-tinh-tra-vinh-72067.htm>. Bài viết nghiên cứu xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh. Từ đó tác giả đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp hoạt động hiệu quả khi sử dụng phần mềm kế toán tại đơn vị và cung cấp thông tin kịp thời, tin cậy cho người sử dụng.

5) Nguyễn Đăng Huy (2011) với luận án: “Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Nam”. Trên cơ sở hệ thống hoá những vấn đề chung về kế toán doanh nghiệp, tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp, luận án đã đưa ra các khái niệm và ứng dụng công nghệ thông tin và tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp; khẳng định chính công nghệ thông tin giúp làm giảm nhẹ lao động thủ công trong kế toán, đặc biệt đảm bảo số liệu của kế toán được cập nhật kịp thời, khách quan và là cơ sở phân tích lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định kinh doanh của nhà quản trị.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Phần mềm kế toán là một hệ thống các chương trình được lập trình sẵn, có nhiệm vụ xử lý thông tin tự động thông qua các thao tác của kế toán trên máy tính. Phần mềm kế toán là một công cụ giúp kế toán ghi chép, tổng hợp, tính

toán, xuất dữ liệu... tự động, chính xác và nhanh chóng dựa trên dữ liệu đầu vào giúp doanh nghiệp xử lý công tác kế toán nhanh chóng kịp thời và chính xác, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của xã hội và cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra, công cụ này còn giúp lưu trữ thông tin khách hàng, nhà cung cấp, vật tư, hạng mục/công trình... hỗ trợ sắp xếp, tra cứu thông tin khi cần thiết. nó hỗ trợ kiểm tra, đối chiếu sai sót đầu vào, đầu ra; tự động xử lý và tổng hợp các tờ khai thuế, quyết toán thuế, báo cáo tài chính... nhất quán, chính xác và nhanh chóng. Phần mềm kế toán hiện nay có kết nối trực tuyến với cơ quan Thuế giúp nộp báo cáo nhanh chóng.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình chiếm phần lớn tổng số doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và cả nước nói chung. Đứng trước xu hướng khoa học công nghệ phát triển, sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, xu thế hội nhập khu vực, hội nhập toàn cầu cũng đem lại nhiều thách thức cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 diễn ra trên khắp các lĩnh vực, xu hướng tự động hoá công tác kế toán cũng đã và đang từng bước giúp các doanh nghiệp hoà nhập với thế giới và đổi mới cách thức làm kế toán. Cuộc cách mạng 4.0 sẽ giúp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể vận dụng điện toán đám mây trong việc sử dụng phần mềm kế toán, lưu trữ dữ liệu và xử lý công tác kế toán ở bất kỳ nơi nào hay trong điều kiện nào. Điều đó giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiết kiệm được chi phí cho việc quản lý, lưu trữ, xử lý công tác kế toán và linh hoạt công tác kế toán dù trong môi trường nào. Đặc biệt trong 3 năm trở lại đây, khi dịch COVID-19 bùng phát trên thế giới và ở Việt Nam, ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp và đến bộ phận kế toán. Khi phải làm việc online, các phần mềm kế toán online đã hỗ trợ công tác kế toán tại đơn vị giúp công tác kế toán được liên tục, cập nhật kịp thời, cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác.

Qua khảo sát cho thấy, hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã và đang sử dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán. Tuy nhiên, mức độ sử dụng cũng như hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán ở các

đơn vị chưa thực sự hiệu quả và đạt được kết quả tốt nhất. Hiện tại, một số doanh nghiệp chưa thực sự đầu tư cho phần mềm kế toán hoặc mua nhưng không dùng đến. Có nhiều doanh nghiệp cho rằng quy mô nhỏ, số lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít nên không cần thiết phải sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm kế toán gây lãng phí chi phí, không hiệu quả...

Xuất phát từ những vấn đề trên và nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng phần mềm kế toán trong quản lý kinh tế tại các doanh nghiệp, nhóm tác giả nghiên cứu chọn đề tài: “Thực trạng sử dụng phần mềm kế toán và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ninh Bình”.

3. Mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN

Trên cơ sở khảo sát thực trạng thực tế sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Ninh Bình từ đó đánh giá thực trạng sử dụng và đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong các doanh nghiệp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Thực trạng sử dụng phần mềm kế toán

Phạm vi không gian: Các doanh nghiệp vừa và nhỏ có sử dụng phần mềm kế toán trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

Phạm vi thời gian: 2021-2023

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Lý thuyết – Thực trạng – Giải pháp

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu định tính được thực hiện bằng kỹ thuật phỏng vấn và thảo luận nhóm, nhằm điều chỉnh, bổ sung các nhân tố tác động đến hiệu quả sử dụng

phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp.

Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng cách thu thập dữ liệu thông qua khảo sát trực tiếp 100 doanh nghiệp bằng bảng câu hỏi soạn sẵn. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích các dữ liệu thu thập được.

6. Nội dung nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về kế toán, hệ thống thông tin kế toán và phần mềm kế toán trong các doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Ninh Bình

Chương 3: Một số giải pháp nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Ninh Bình

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN, HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN VÀ PHẦN MỀM KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về kế toán

1.1.1. Bản chất của kế toán

Hạch toán kế toán là một môn khoa học phản ánh và giám đốc các mặt hoạt động kinh tế - tài chính ở tất cả các đơn vị, các tổ chức kinh tế xã hội. Hạch toán kế toán có đối tượng cụ thể là các hoạt động kinh tế, tài chính: Sự biến động về tài sản, nguồn vốn, sự chu chuyển của tiền,...

Theo luật Kế toán Việt Nam năm 2005: “ Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động”

Bản chất của kế toán là hoạt động ghi chép, phân loại tổng hợp thông tin theo một số nguyên tắc nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng và các bên có liên quan thông qua các phương pháp kế toán và báo cáo kế toán.

1.1.2. Đối tượng của kế toán

Đối tượng của kế toán là tài sản, nguồn hình thành tài sản, sự biến động của tài sản trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Thông qua việc theo dõi các đối tượng kế toán, bộ phận kế toán có thể ghi lại chi tiết các biến động tài sản dưới dạng “bút toán”, từ đó tổng hợp thành các báo cáo phản ánh đầy đủ bức tranh tài chính của doanh nghiệp.

Tài sản

Tài sản là nguồn lực do doanh nghiệp kiểm soát, nắm giữ và có thể thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.

Tài sản có thể được biểu hiện dưới hình thái vật chất như máy móc, thiết bị, nhà xưởng hoặc không thể hiện dưới hình thái vật chất như bản quyền, bằng sáng chế.

Dựa vào thời gian đầu tư, sử dụng và thu hồi thì tài sản trong doanh nghiệp được phân chia thành tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn.

Tài sản ngắn hạn: Là các tài sản có thời gian sử dụng dưới 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh, thường thay đổi hình thái giá trị trong quá trình sử dụng. Tài sản ngắn hạn có thể là tiền hoặc các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho hoặc các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn...

Tài sản dài hạn : Là các tài sản có giá trị lớn, thời gian sử dụng hay luân chuyển hơn một năm hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh và có tính thanh khoản thấp hơn tài sản ngắn hạn do không thể thu hồi được ngay.

Nguồn vốn

Nợ phải trả: Là khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải trả cho các chủ nợ như ngân hàng, nhà cung cấp. Nợ phải trả bao gồm nợ phải trả ngắn hạn và nợ phải trả dài hạn.

Vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu (Owner's Equity) là các khoản vốn kinh doanh thuộc sở hữu của cổ đông hay các thành viên góp vốn.

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp sẽ sử dụng VCSH và các nguồn phải trả để tạo thành tổng nguồn vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh. Vốn chủ sở hữu là một trong những nguồn tài trợ thường xuyên cho các hoạt động trong doanh nghiệp.

Vốn chủ sở hữu bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu, lợi nhuận chưa phân phối, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp, chênh lệch tỷ giá hối đoái, chênh lệch đánh giá lại tài sản...

1.1.3. Vai trò, yêu cầu, nguyên tắc của kế toán

Kế toán là một bộ phận không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp. Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp rất cần thiết cho nhà quản trị, nó giúp họ đưa ra các chiến lược và quyết định kinh doanh. Khi hoạt động trong doanh nghiệp, kế toán sẽ đảm nhận những vai trò sau:

- Giúp cho doanh nghiệp theo dõi thường xuyên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình: quá trình sản xuất, theo dõi thị trường... Nhờ đó,

người quản lý điều hành trôi chảy các hoạt động, quản lý hiệu quả, kiểm soát nội bộ tốt.

- Cung cấp tài liệu cho doanh nghiệp làm cơ sở hoạch định chương trình hành động cho từng giai đoạn, từng thời kỳ. Nhờ đó người quản lý tính được hiệu quả công việc, vạch ra hướng hoạt động cho tương lai. Triển khai và thực hiện các hệ thống quản lý thông tin để thúc đẩy việc thực thi các chiến lược, kế hoạch và ra quyết định của ban quản trị.

- Là cơ sở pháp lý để giải quyết tranh tụng khiếu tố, với tư cách là bằng chứng về hành vi thương mại.

- Giúp người quản lý điều hoà tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Là cơ sở cho người quản lý ra các quyết định phù hợp: Quản lý hạ giá thành, quản lý doanh nghiệp kịp thời.

- Quản lý các chi phí dựa trên việc lập kế hoạch và dự báo ngân sách chi tiết, hạn chế tối đa chi phí không cần thiết.

- Cơ sở đảm bảo vững chắc trong giao dịch buôn bán, duy trì và phát triển các mối liên kết trong doanh nghiệp.

- Giám sát và quản lý hoạt động, cung cấp một kết quả tài chính rõ ràng. Quản lý rủi ro và thực hiện bảo hiểm cho doanh nghiệp.

- Thường xuyên cập nhật thông tin về tài chính và các thông tin liên quan tới cổ đông trong và ngoài công ty (quyền và trách nhiệm mới, các văn bản về luật, chủ nợ, nhà băng, nhà đầu tư...) theo một cách thức tạo dựng sự tin tưởng cao nhất từ phía đối tác dành cho doanh nghiệp...

Nhiệm vụ kế toán

Theo điều 4 Luật kế toán số 88/2015/QH13 thì kế toán có nhiệm vụ như sau:

1. Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

2. kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.

3. Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán.

4. Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu kế toán

Theo điều 5 Luật kế toán số 88/2015/QH13 thì kế toán có các yêu cầu như sau:

1. Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính.

2. Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán.

3. Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán.

4. Phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.

5. Thông tin, số liệu kế toán phải được phản ánh liên tục từ khi phát sinh đến khi kết thúc hoạt động kinh tế, tài chính, từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động của đơn vị kế toán; số liệu kế toán phản ánh kỳ này phải kế tiếp theo số liệu kế toán của kỳ trước.

6. Phân loại, sắp xếp thông tin, số liệu kế toán theo trình tự, có hệ thống và có thể so sánh được.

Nguyên tắc kế toán:

Nguyên tắc kế toán là một bộ bao gồm những quy định được chuẩn mực hoá, quy ước hoá và áp dụng bởi các công ty, tổ chức trong quá trình hạch toán và lập báo cáo tài chính. Áp dụng đúng nguyên tắc kế toán giúp những thông tin kế toán cung cấp, tổng hợp,... được xác thực tới một độ tin cậy nhất định.

1. Nguyên tắc Cơ sở dồn tích (Accrual basis)

- Quy định những nghiệp vụ về tài chính, kế toán của doanh nghiệp có liên quan đến tài sản, nợ phải trả; doanh thu chi phí, nguồn vốn sở hữu...

- Cần ghi chép thông tin kỹ càng vào sổ kế toán ngay ở thời điểm phát sinh; không phụ thuộc vào thời điểm thực tế thu chi hoặc tương tự;

- Với những báo cáo tài chính lập trên nguyên tắc cơ sở dồn tích giúp người đọc nắm rõ tình hình tài chính trong quá khứ, hiện tại và tương lai của công ty đó;

- Nguyên tắc giúp ý thức được việc ghi chép ngay lập tức mọi nghiệp vụ kinh tế đều phải được ghi chép vào sổ kế toán ngay lúc phát sinh giao dịch thay vì căn cứ vào thực tế thu chi;

2. Nguyên tắc hoạt động liên tục (Going concern)

- Mọi báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả sử doanh nghiệp đang và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, sản xuất trong tương lai gần.

- Trong trường hợp thực tế khác với giả định thì báo cáo cần lập dựa trên một cơ sở khác và có lời diễn giả thoả đáng về cơ sở đó.

- Kế toán không được lập quá tài khoản dự phòng và theo đúng nguyên tắc hoạt động;

- Các khoản dự phòng không được phép đánh giá cao hơn giá trị tài sản và khoản thu nhập không được thấp hơn giá trị khoản phải trả như khoản chi phí;

- Chỉ được ghi nhận doanh thu và thu nhập khi chắc chắn có được bằng chứng xác thực về khả năng tạo ra lợi ích kinh tế;

- Chi phí được ghi nhận khi có thể chứng minh về khả năng có thể phát sinh chi phí.

3. Nguyên tắc giá gốc (Historical cost)

- Tài sản công ty phải được ghi nhận trên giá gốc, trong đó giá gốc là giá công ty phải trả để có được tài sản đó;

- Giá gốc được tính dựa trên số tiền hoặc khoản giá trị tương đương với số tiền đã thanh toán, cần trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó được xác định tại thời điểm tài sản được ghi nhận;

- Kế toán không được tự ý điều chỉnh khi giá gốc của tài sản thay đổi trừ những trường hợp khác quy định trong luật kế toán, chuẩn mực kế toán.

4. Nguyên tắc phù hợp (Matching concept)

- Phải có sự tương thích phù hợp giữa doanh thu và chi phí

- Khi người ghi nhận về doanh thu thì phải đưa ra được khoản chi phí tương ứng liên quan;

- Chi phí tương ứng với doanh thu gồm khoản chi phí tương ứng với khoản doanh thu trong kỳ phát sinh sẽ giúp công ty phân tích và tính toán chính xác phần thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp

- Đây là cơ sở để tính thuế thu nhập doanh nghiệp cần phải nộp cho nhà nước.

5. Nguyên tắc nhất quán (Consistency)

- Sự nhất quán là cần thiết trong một kỳ kế toán giữa chính sách và phương pháp kế toán công ty áp dụng;

- Nếu có sự thay đổi của một trong hai hoặc cả hai yếu tố chính sách và phương pháp kế toán thì cần bổ sung phần thuyết minh báo cáo giải trình lý do và yếu tố tác động đến sự thay đổi đó.

6. Nguyên tắc thận trọng (Prudence concept)

- Nguyên tắc này quy định kế toán viên cần luôn đưa ra những phán đoán, cân nhắc xem xét kỹ lưỡng để lập được ước tính kế toán trong điều kiện không có sự chắc chắn;

- Thận trọng nghĩa là không lập những khoản dự phòng quá lớn, không nên đánh giá quá mức giá trị các tài sản và thu nhập cũng như không thấp hơn những khoản phải trả cùng chi phí;

- Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi người kế toán có bằng chứng chắc chắn, xác thực về khả năng thu lợi kinh tế, tương tự, phải có bằng chứng xác thực về khả năng phát sinh mới có thể ghi nhận chi phí.

7. Nguyên tắc trọng yếu (Materiality concept)

- Nguyên tắc trọng yếu thể hiện qua thông tin phụ thuộc vào độ lớn và tính chất của thông tin hoặc sai sót trong hoàn cảnh nhất định;

- Khi xảy ra việc thiếu thông tin hoặc thông tin không có sự chính xác cao có thể gây ra sự sai lệch trong báo cáo tài chính;

- Tính trọng yếu của thông tin cần được xem xét kỹ trên hai phương diện định tính lẫn định lượng;

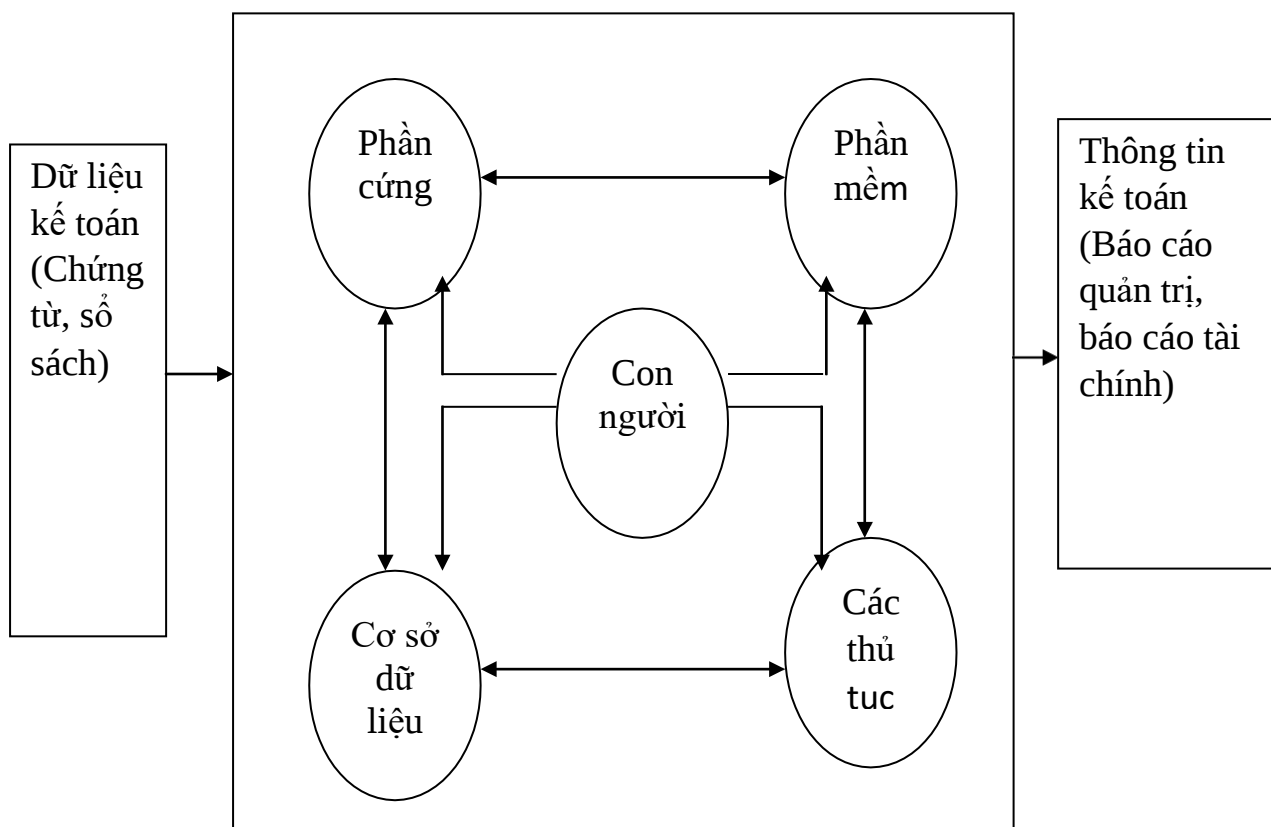
1.2. Khái quát chung về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm về hệ thống thông tin kế toán

Ngày nay, với sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến nhất đã được ứng dụng vào lĩnh vực hoạt động của con người, từ sản xuất, kinh doanh đến giám sát và quản lý. Công nghệ giúp con người quản lý công việc hiệu quả và nhanh chóng hơn, đồng thời cung cấp thông tin kịp thời và tin cậy. Kế toán là một bộ phận quan trọng hàng đầu của hệ thống quản lý kinh tế tài chính, đóng vai trò to lớn trong việc kiểm soát, quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải ứng dụng công nghệ vào tổ chức thực hiện công tác kế toán với mục đích tạo ra một hệ thống thông tin kế toán hiệu quả. Hệ thống đó phải hợp lý, chặt chẽ, cung cấp thông tin trung thực, kịp thời, đáng tin cậy với kỹ thuật xử lý tiên tiến nhất. Điều đó không chỉ góp phần vào việc gia tăng năng lực cạnh tranh mà còn nâng cao hiệu quả hoạt động trong doanh nghiệp. Đây là xu hướng phát triển tất yếu và phù hợp với tiến trình đổi mới, đặc biệt là trong giai đoạn hội nhập kinh tế như hiện nay.

Hệ thống thông tin kế toán (AIS) là cấu trúc mà cơ quan hoặc doanh nghiệp sử dụng để thu thập, tổng hợp, quản lý, lưu trữ, xử lý, truy xuất và báo cáo dữ liệu tài chính-kế toán của mình. Hệ thống thông tin kế toán trong môi trường hiện đại ngày nay chính là phần giao thoa giữa hai lĩnh vực là hệ thống thông tin và hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Hệ thống thông tin kế toán là một tập hợp các nguồn dữ liệu và thủ tục xử lý dữ liệu để tạo ra những thông tin hữu ích cho người sử dụng, thiết bị máy móc được thiết kế nhằm biến đổi dữ liệu tài chính và các dữ liệu khác thành thông tin.



Hình 1.1. Mô hình hệ thống thông tin kế toán tự động hóa

1.2.2. Cấu trúc hệ thống thông tin kế toán

Một hệ thống thông tin kế toán cơ bản thường bao gồm bốn thành phần chính: con người, thủ tục và hướng dẫn, dữ liệu, phần mềm.

Con người

Người trong hệ thống thông tin kế toán đơn giản là người dùng hệ thống. Các chuyên gia cần sử dụng hệ thống trong một tổ chức bao gồm: kế toán viên, nhân viên tư vấn, chuyên gia phân tích kinh doanh, nhà quản lý, giám đốc tài chính và kiểm toán viên. Hệ thống kế toán giúp các bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp phối hợp ăn ý với nhau.

Với một hệ thống thông tin kế toán được thiết kế tốt, tất cả mọi nhân viên trong một tổ chức đều được ủy quyền để có thể truy cập vào hệ thống và nhận được thông tin cần thiết. Hệ thống cũng đơn giản hóa việc nhận thông tin cho những người bên ngoài tổ chức, doanh nghiệp khi cần thiết.

Hệ thống thông tin kế toán nên được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của người dùng, hiệu quả, dễ sử dụng và hạn chế việc cải thiện nâng cấp.

Thủ tục và hướng dẫn

Thủ tục và hướng dẫn của hệ thống thông tin kế toán là các phương thức mà nó sử dụng để thu thập, tổng hợp, lưu trữ, quản lý, truy xuất và xử lý dữ liệu. Những phương pháp này đều hoạt động một cách tự động. Dữ liệu có thể đến từ cả hai nguồn: nội bộ (ví dụ: nhân viên trong doanh nghiệp) và nguồn bên ngoài (các đơn đặt hàng trực tuyến của khách hàng).

Các thủ tục và hướng dẫn này sẽ được mã hóa trong hệ thống thông tin kế toán thông qua tài liệu và đào tạo. Để có được hiệu quả cao nhất, các thủ tục và hướng dẫn phải được tuân thủ nhất quán.

Dữ liệu

Để lưu trữ thông tin, hệ thống thông tin kế toán phải có cấu trúc cơ sở dữ liệu giống như ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc (SQL), ngôn ngữ máy tính thường xuyên được ứng dụng cho cơ sở dữ liệu. Hệ thống cũng sẽ cần nhiều đầu vào khác nhau để nhập dữ liệu và để cho từng người dùng hệ thống, cũng như các định dạng đầu ra khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu của từng người dùng khác nhau và các loại thông tin khác nhau.

Dữ liệu chứa trong hệ thống là tất cả các thông tin tài chính-kế toán phù hợp với thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp. Bất kỳ dữ liệu kinh doanh nào tác động đến hệ thống tài chính của doanh nghiệp đều phải đi vào hệ thống.

Loại dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán sẽ phụ thuộc vào quy mô và loại hình của doanh nghiệp, tuy nhiên nó có thể bao gồm những loại dữ liệu sau đây:

- Hóa đơn bán hàng
- Các báo cáo thanh toán của khách hàng
- Các báo cáo phân tích kinh doanh
- Yêu cầu mua hàng
- Hóa đơn của đơn vị cung cấp
- Kiểm tra sổ đăng ký
- Sổ cái chung
- Dữ liệu kiểm kê

- Thông tin liên quan đến biên chế
- Bảng chấm công
- Thông tin thuế

Các loại dữ liệu này sau đó có thể được dùng để lập báo cáo kế toán. Lưu trữ tất cả dữ liệu này ở một nơi duy nhất – trong hệ thống thông tin kế toán sẽ tạo điều kiện cho hoạt động lưu trữ hồ sơ, phân tích, báo cáo, kiểm toán hay ra quyết định. Để dữ liệu thực sự hữu ích, nó phải đầy đủ, chính xác và đáng tin cậy.

Phần mềm

Phần mềm của hệ thống thông tin kế toán là các chương trình máy tính được dùng để lưu trữ, quản lý, truy xuất, xử lý và phân tích dữ liệu tài chính-kế toán của doanh nghiệp. Trước khi có máy tính, hệ thống là các hệ thống thủ công, dựa trên giấy, tuy nhiên hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp đang sử dụng **phần mềm kế toán** làm cơ sở cho hệ thống.

1.2.3. Vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp

Hệ thống thông tin kế toán (AIS) có vai trò quan trọng trong doanh nghiệp. Với một AIS được thiết kế tốt cho phép doanh nghiệp hoạt động một cách trơn chu. Với một AIS thiết kế kém sẽ cản trở hoạt động của doanh nghiệp. Khi một doanh nghiệp đang gặp khó khăn, các dữ liệu trong AIS có thể được sử dụng để phát hiện ra nguyên nhân của những vấn đề đang tồn tại, từ đó có các định hướng và quyết định trong quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, AIS có thể tự động hóa xử lý số lượng lớn dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, thông tin trong phạm vi doanh nghiệp và cung cấp, truy vấn thông tin trực tuyến một cách nhanh chóng, tự động lập các báo cáo kế toán, báo cáo quản trị. Từ các tác dụng đó, AIS tác động vào hiệu quả quyết định của nhà quản lý, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, giảm thiểu các gian lận và tăng cường khả năng kiểm soát của nhà quản lý. AIS có thể tích hợp những quy trình kinh doanh, sản xuất chính trong đơn vị, từ đó kết hợp được các nguồn lực trong doanh nghiệp, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, một hệ AIS khoa học giúp mọi người thực hiện các quy định các quy trình được thuận lợi, công việc được thực

hiện nhanh chóng, tránh những rắc rối, phức tạp, chông chéo trong quy trình, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong vấn đề quản lý nhân sự, tăng sự hài lòng của nhân viên và tăng năng suất lao động. Một vai trò rất lớn nữa là AIS cung cấp các báo cáo kế toán tức thời, giúp nhà quản trị xây dựng hệ thống quản trị doanh thu, chi phí, lợi nhuận và hệ thống kiểm soát trong doanh nghiệp. Như vậy, trong quản trị kinh doanh, AIS có vai trò đặc biệt quan trọng.

- Thu thập và lưu trữ các dữ liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho các đối tượng liên quan như:

- + Cung cấp báo cáo tài chính cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp (khách hàng, nhà đầu tư, kiểm toán viên).

- + Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và tin cậy phục vụ cho việc lập kế hoạch.

- + Cung cấp thông tin hữu ích cho hoạt động quản lý, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện kế hoạch.

- + Cung cấp thông tin nhanh chóng và chính xác cho hoạt động điều hành doanh nghiệp hàng ngày.

- + Hỗ trợ hoạt động kiểm soát trong doanh nghiệp.

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Bảo vệ các tài sản vật chất, tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

- Kiểm soát hoạt động liên quan đến thông tin trong doanh nghiệp để đảm bảo chúng luôn được xử lý một cách chính xác và kịp thời.

1.2.4. Nội dung tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán Ở mỗi đơn vị được thành lập và đi vào sản xuất kinh doanh, có tư cách pháp nhân đầy đủ đều phải tổ chức công tác kế toán và tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện toàn bộ công tác kế toán, tài chính, thống kê ở đơn vị. Theo đó, mỗi đơn vị phải tự xây dựng mô hình tổ chức bộ máy kế toán ở

đơn vị. Tổ chức bộ máy kế toán ở đơn vị khoa học và hợp lý giúp đảm bảo được chất lượng của công tác kế toán, tài chính thống kê ở đơn vị hơn nữa tiết kiệm được chi phí hạch toán, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tài chính ở đơn vị. Hiện nay, tổ chức bộ máy kế toán có ba hình thức phổ biến sau đây:

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán;

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung, vừa phân tán.

1.2.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.

Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và đã hoàn thành.

Căn cứ vào hệ thống chứng từ kế toán do Bộ Tài chính ban hành, mỗi doanh nghiệp lựa chọn những chứng từ kế toán cần vận dụng phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Doanh nghiệp quy định, hướng dẫn các bộ phận liên quan ghi chép đúng, chính xác, đầy đủ các yếu tố trên chứng từ kế toán. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp đều phải lập chứng từ kế toán, chứng từ kế toán phải lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác nội dung quy định trên mẫu lập đúng yêu cầu của pháp luật và chính sách chế độ kế toán của Nhà nước, làm căn cứ đáng tin cậy để ghi sổ kế toán.

Theo chế độ kế toán hiện hành, các chứng từ kế toán đều mang tính hướng dẫn. Đối với các chứng từ kế toán hướng dẫn theo quy định thì các đơn vị kế toán có thể bổ sung thêm chỉ tiêu hoặc thay đổi hình thức mẫu biểu cho phù hợp với việc ghi chép và yêu cầu quản lý của đơn vị. Trường hợp đơn vị sử dụng chứng từ điện tử (trong các vật mang tin như băng đĩa, đĩa từ, các loại thẻ thanh toán) phải được mã hóa để an toàn trong xử lý, truyền tin, lưu trữ. Doanh nghiệp quy định chế độ lưu trữ, bảo quản an toàn chứng từ kế toán của doanh nghiệp theo quy định của luật kế toán.

Trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán, các chứng từ phải được phân loại và mã hóa theo từng nội dung công tác kế toán có liên quan.

Việc phân loại chứng từ trong kế toán máy cần phải quan tâm đến nguồn gốc và đơn vị, bộ phận lập chứng từ:

- Chứng từ gốc do các bộ phận, đơn vị bên ngoài doanh nghiệp cung cấp: Hóa đơn GTGT do người bán phát hành, giấy báo nợ, báo có của ngân hàng...).

- Chứng từ do kế toán viên hoặc do các bộ phận phòng ban liên quan khác trong doanh nghiệp lập thủ công: Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho...

- Chứng từ do nhân viên kế toán lập trên máy: Để phát huy và tận dụng khả năng của máy tính, đối với một số loại chứng từ không thuộc diện quản lý phát hành như: Hóa đơn GTGT thì doanh nghiệp có thể lập trên máy như phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho...Đối với những loại chứng từ này kế toán trưởng phải đặt ra yêu cầu về mẫu biểu (theo mẫu doanh nghiệp) để người lập trình thiết kế trong chương trình phần mềm kế toán. Khi chứng từ trên máy được lập và in ra phải đầy đủ các chữ ký của các bộ phận, cá nhân có liên quan thì chứng từ đó mới có giá trị pháp lý và được chấp nhận (“Lưu” vào máy).

Việc mã hóa chứng từ phải đảm bảo yêu cầu đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu, dễ tổng hợp và đảm bảo bí mật về dữ liệu. Thông thường việc mã hóa chứng từ được tổ chức theo các tệp tin; trên cơ sở các tệp tin được chia thành các loại (mã hóa theo loại và theo từng chứng từ) đáp ứng yêu cầu thuận lợi, nhanh chóng của việc ghi sổ kế toán theo các phần hành cụ thể như tạo điều kiện thuận lợi trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán.

Tùy vào bộ máy kế toán, đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, khối lượng công việc, trình độ chuyên môn... mà lãnh đạo phòng kế toán phân công phân nhiệm, quy định người lập và kiểm tra chứng từ, trình tự lập, luân chuyển, về xử lý khử trùng... và lưu trữ chứng từ.

Khi tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, thay cho việc ghi sổ thủ công là việc nhập liệu vào phần mềm kế toán. Do đó khi nhập liệu vào phần mềm kế toán cần xác định nội dung cần thiết nhập liệu vào phần mềm và các thủ tục kiểm soát quá trình nhập liệu liên quan. Việc xác định nội dung nhập liệu và các thủ tục kiểm soát quá trình nhập liệu là một trong những cơ sở để lựa chọn phần mềm kế toán.

1.2.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán.

Tài khoản kế toán dùng để phân loại hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế, tài chính theo nội dung kinh tế. Hệ thống tài khoản kế toán là bảng kê các tài khoản kế toán dùng cho đơn vị kế toán.

Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ áp dụng theo chế độ kế toán theo TT133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016; Doanh nghiệp căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính quy định để lựa chọn, áp dụng hệ thống tài khoản kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, lĩnh vực hoạt động, yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

1.2.4.4. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán.

Hình thức kế toán là việc tổ chức hệ thống sổ kế toán bao gồm số lượng sổ, kết cấu mẫu sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ được sử dụng để ghi chép, tổng hợp, hệ thống hóa số liệu từ chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi sổ nhất định, nhằm cung cấp các tài liệu có liên quan đến các chỉ tiêu kinh tế tài chính, phục vụ cho việc lập các báo cáo kế toán. Chế độ kế toán quy định mỗi hình thức kế toán có một hệ thống sổ kế toán tổng hợp. Doanh nghiệp phải căn cứ vào hệ thống sổ kế toán do Bộ tài chính quy định để lựa chọn, áp dụng một hệ thống sổ kế toán theo hình thức kế toán mà doanh nghiệp đã lựa chọn hoặc sử dụng hệ thống sổ kế toán mà doanh nghiệp thiết kế phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh và mọi thành phần kinh tế đều phải mở, ghi chép, quản lý, lưu trữ và bảo quản sổ kế toán theo đúng các quy định của luật kế toán. Các

đơn vị sử dụng phần mềm kế toán theo quy định (phù hợp với điều kiện và tiêu chuẩn phần mềm) khi ghi sổ kế toán phải đảm bảo khả năng đối chiếu tổng hợp số liệu kế toán và lập báo cáo tài chính.

Các sổ tổng hợp theo hình thức kế toán được các doanh nghiệp vận dụng phải tuân thủ mọi nguyên tắc cơ bản về loại sổ, kết cấu các loại sổ, mối quan hệ và sự kết hợp giữa các loại sổ, trình tự và kỹ thuật ghi chép các loại sổ kế toán. Các sổ chi tiết mang tính hướng dẫn, doanh nghiệp có thể cụ thể hóa để phản ánh thông tin chi tiết theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Doanh nghiệp mở hệ thống sổ kế toán cho kỳ kế toán năm. Các nghiệp vụ kinh tế tài chính được phản ánh ghi chép vào sổ kế toán một cách đầy đủ, thường xuyên, liên tục, chính xác, trung thực và đúng với chứng từ kế toán. Trường hợp doanh nghiệp áp dụng phần mềm kế toán, sau khi khóa sổ trên máy vi tính phải in sổ kế toán ra giấy và đóng thành quyển riêng cho từng kỳ kế toán năm.

1.2.4.5. Tổ chức báo cáo kế toán và cung cấp thông tin kế toán

Báo cáo kế toán là hình thức biểu hiện của phương pháp tổng hợp – cân đối kế toán, là phương pháp tổng hợp số liệu từ các sổ kế toán liên quan theo các chỉ tiêu kinh tế tài chính vào một hệ thống mẫu biểu quy định.

Hệ thống báo cáo kế toán của doanh nghiệp gồm hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị.

Các doanh nghiệp bắt buộc phải lập, cung cấp báo cáo tài chính cho các đối tượng sử dụng thông tin theo yêu cầu của Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán. Các báo cáo kế toán quản trị không mang tính bắt buộc, số lượng và loại báo cáo kế toán quản trị do doanh nghiệp quy định tùy theo yêu cầu quản trị.

Theo Luật kế toán và chế độ kế toán, báo cáo tài chính quy định cho các doanh nghiệp bao gồm 4 biểu báo cáo sau:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)

- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

Báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải được nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và công khai theo quy định của pháp luật.

Các doanh nghiệp phải tuân thủ phương pháp lập, nội dung, kỳ hạn nộp, nộp và công khai báo cáo tài chính theo quy định của Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

Các báo cáo tài chính cung cấp thông tin hữu ích về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, và những thay đổi về tình hình tài chính của doanh nghiệp cho các đối tượng sử dụng thông tin trong việc ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính cung cấp phải đảm bảo tính linh hoạt thông qua việc công bố đầy đủ và trình bày thỏa đáng các thông tin hữu ích cho việc ra quyết định.

Trong điều kiện doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán máy, thực chất của việc tổ chức báo cáo kế toán và cung cấp thông tin kế toán đó là tự động kết xuất “thông tin đầu ra” khi cần thiết. Khi dữ liệu kế toán đã được chấp nhận và lưu vào cơ sở dữ liệu kế toán dưới dạng chi tiết nhất theo các đối tượng quản lý, máy tính sẽ tự động xử lý, tổng hợp dữ liệu theo yêu cầu quản trị và kết xuất thông tin đầu ra các báo cáo (theo các thao tác “xem” hoặc “in” báo cáo của nhân viên kế toán được phân quyền). Các thông tin trên báo cáo tài chính mặc dù được lập một cách tự động nhưng chưa đủ để cung cấp cho các nhà quản trị doanh nghiệp. Vì vậy, các nhà quản trị doanh nghiệp đặc biệt là kế toán trưởng doanh nghiệp cần phải yêu cầu nhà lập trình phải thiết kế được một hệ thống danh mục báo cáo, mẫu biểu báo cáo quản trị để từ đó thông tin chi tiết về từng đối tượng quản lý có thể cung cấp cho các nhà quản trị vào bất kỳ thời gian nào trong kỳ kinh doanh. Hơn thế nữa, các lập trình viên có thể thiết kế, xây dựng các bảng biểu so sánh số tuyệt đối, tỷ trọng các chỉ tiêu đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu quản lý cụ thể giúp cho việc phân tích thông tin trên báo cáo kế toán một cách nhanh chóng từ đó các nhà quản trị ra các quyết định kinh doanh đúng thời cơ. Danh mục các báo cáo quản trị có thể gồm:

- Báo cáo chi quỹ tiền mặt
- Báo cáo cân đối vật tư, hàng hóa, sản phẩm theo hiện vật
- Báo cáo cân đối vật tư, hàng hóa, sản phẩm theo giá trị
- Báo cáo chi tiết tăng, giảm TSCĐ
- Báo cáo chi tiết bán hàng theo mặt hàng...
- Báo cáo chi tiết tuổi nợ hóa đơn theo khách hàng
- Báo cáo công nợ hóa đơn quá hạn theo khách hàng
- Báo cáo chi tiết lãi, lỗ theo sản phẩm, công trình...
- Bảng tính giá thành theo đơn vị, theo khoản mục...
- Báo cáo chi tiết chi phí sản xuất dở dang...

.....

1.2.4.6. Lưu trữ dữ liệu và dữ liệu kế toán trong máy tính:

Trong tổ chức kế toán theo lối truyền thống, việc ghi chép và lưu trữ dữ liệu được tổ chức có hệ thống nhưng chấp nhận trùng lặp. Từ chứng từ kế toán, kế toán tổng hợp ghi các bút toán vào sổ kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết ghi chi tiết vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết từ đó lên bảng tổng hợp chi tiết để đối chiếu. Khi thực hiện công tác kế toán thủ công, tình trạng ghi trùng lặp, dư thừa thông tin và đối chiếu giữa số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết xảy ra trong tất cả các hình thức tổ chức sổ kế toán. Khi chuyển sang thực hiện kế toán trên máy vi tính, dữ liệu kế toán được lưu trong máy một cách nhất quán, không trùng lặp và dư thừa, việc đối chiếu số liệu được tiến hành tự động. Trong máy tính, có hai phương pháp thông dụng để lưu trữ dữ liệu: Lưu trữ dưới dạng hệ thống tệp tin truyền thống và lưu trữ dưới dạng cơ sở dữ liệu.

**Mô hình lưu trữ dữ liệu dưới dạng hệ thống các tệp tin truyền thống:*

Bit – Viết tắt của Binary Digital, là một số có một ký số (digital) và được biểu diễn bằng ký số 0 hoặc 1. Đây là đơn vị lưu trữ nhỏ nhất trong máy tính.

Byte là tổ hợp của 8 bit liên tục nhau, nhiều byte được nhóm lại thành một trường (field); trường là đơn vị dữ liệu nhỏ nhất có nghĩa đối với người sử dụng. Một nhóm các trường có liên hệ tạo ra mẫu tin (record), nhiều mẫu

tin nhóm lại tạo thành tệp tin (file). Trên máy PC, tệp tin được lưu trữ trên đĩa mềm hoặc đĩa cứng.

Mô hình lưu trữ dữ liệu dưới dạng hệ thống các tệp tin truyền thống là phương pháp mô phỏng cách lưu trữ thủ công truyền thống: Các dữ liệu liên quan đến một vấn đề hay đối tượng được tổ chức thành một tệp hoặc nhiều tệp cùng chủ đề được lưu trữ trong một hoặc nhiều ô tủ hồ sơ về cùng một nội dung (chuyên ngành); nhiều ngăn chứa những nội dung (chuyên ngành) liên quan đến một lĩnh vực tạo thành một tủ hồ sơ về lĩnh vực đó. Tương tự như vậy, lưu trữ dạng hệ thống tệp trong máy tính còn gọi là lưu trữ dưới dạng cây thư mục: Ổ đĩa máy là thư mục gốc, thư mục gốc chứa các tệp và các thư mục con. Mỗi thư mục con chứa các tệp và các thư mục cháu. Cứ như vậy tạo thành cây thư mục. Lưu trữ dạng này trong kế toán, dữ liệu thường bị dư thừa, việc tìm kiếm thông tin không thuận tiện, khả năng tổng hợp thông tin rất thấp.

** Mô hình cơ sở dữ liệu:*

Cơ sở dữ liệu (database) là một hệ thống tích hợp các tệp tin, được thiết kế nhằm giảm thiểu việc lặp lại dữ liệu. Các tệp tin của cơ sở dữ liệu là thành phần của một bộ chương trình nhằm tạo lập, quản lý và truy xuất các tệp tin cơ sở dữ liệu. Cần lưu ý rằng tệp tin trong cơ sở dữ liệu khác với tệp tin chuẩn thông thường vì chúng được liên kết với nhau về mặt logic qua cấu trúc cơ sở dữ liệu, tuy nhiên cần phải có một hệ thống để tạo lập và quản trị cơ sở dữ liệu.

Hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu (Database Management System – DBMS) là một chương trình phần mềm và những công cụ có sẵn do một số nhà sản xuất phần mềm cung cấp để tạo lập và quản trị cơ sở dữ liệu.

Phần mềm xử lý dữ liệu Phần mềm thiết kế để xử lý dữ liệu trong AIS phải đảm bảo các yêu cầu sau: nhận diện được thông tin đầu ra của hệ thống; tìm được giải pháp phần cứng và phần mềm; quản lý được, không quá phức tạp;

đảm bảo bí mật. Hiện nay, một số phần mềm kế toán phổ biến và thông dụng đang được sử dụng như Phần mềm kế toán Fast; Phần mềm kế toán Misa.

1.3. Khái quát chung về phần mềm kế toán

1.3.1. Khái niệm và phân loại phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là một loại phần mềm ứng dụng, được xác định bao gồm hệ thống các chương trình được lập trình sẵn nhằm thực hiện xử lý tự động các thông tin kế toán trên máy vi tính, bắt đầu từ khâu nhập chứng từ gốc, phân loại chứng từ, xử lý thông tin trên chứng từ theo quy trình của kế toán sau đó in ra các sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Phần mềm kế toán chính là công cụ tự động hóa công tác xử lý thông tin kế toán trong các đơn vị. Khi ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán thì bộ phận kế toán trong đơn vị không còn phải thực hiện một cách thủ công một số khâu công việc như: Ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp, tổng hợp số liệu lập báo cáo kế toán; mà chỉ phải thực hiện các công việc phân loại, bổ sung thông tin chi tiết vào chứng từ gốc, nhập dữ liệu từ chứng từ vào máy, kiểm tra phân tích số liệu trên các sổ, báo cáo kế toán để có thể đưa ra các quyết định phù hợp.

Tổ chức trang bị, ứng dụng phần mềm kế toán là một trong những nội dung quan trọng của tổ chức kế toán trên máy. Trang bị và ứng dụng phần mềm kế toán phù hợp là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng thông tin kinh tế tài chính nhằm thỏa mãn đầy đủ yêu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin.

Phân loại phần mềm kế toán

Phân loại theo bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Phần mềm kế toán bán lẻ:

Phần mềm kế toán bán lẻ là các phần mềm hỗ trợ cho công tác lập hóa đơn, biên lai kiêm phiếu xuất bán và giao cho khách hàng. Tùy từng lĩnh vực và phần mềm cụ thể mà phần mềm này có thể hỗ trợ thêm phần kiểm tra hàng tồn kho. Nhìn chung phần mềm này có tính năng đơn giản và các báo

cáo do phần mềm cung cấp chỉ là các báo cáo tổng hợp tình hình bán hàng và báo cáo tồn kho.

Loại phần mềm này chủ yếu phục vụ cho các doanh nghiệp có siêu thị, nhà hàng hoặc kinh doanh trực tuyến trên Internet.

Phần mềm kế toán tài chính quản trị

Là phần mềm dùng để nhập các chứng từ kế toán, lưu trữ, tìm kiếm, xử lý và kết xuất các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và báo cáo phân tích thông kê tài chính.

Phân loại theo hình thức sản phẩm

Phần mềm đóng gói: là các phần mềm được nhà cung cấp thiết kế sẵn, đóng gói thành các hộp sản phẩm với đầy đủ tài liệu hướng dẫn cài đặt, sử dụng và bộ đĩa cài phần mềm. Loại phần mềm kế toán thường được bán rộng rãi trên thị trường.

Phần mềm đặt hàng: là phần mềm được các nhà cung cấp phần mềm thiết kế riêng biệt cho một doanh nghiệp hoặc một số nhỏ các doanh nghiệp trong cùng một tập đoàn theo đơn đặt hàng, dựa trên các yêu cầu cụ thể.

1.3.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán

Một doanh nghiệp nếu không có một hệ thống sổ sách kế toán tốt, không cung cấp được các dấu hiệu cảnh báo cho doanh nghiệp thì hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ gặp phải khó khăn và dễ bị thất bại. Vì vậy, việc có một hệ thống để quản lý tốt tình hình tài chính là một yếu tố sống còn đối với doanh nghiệp. Với sự ra đời của phần mềm kế toán đã đem lại rất nhiều lợi ích trong việc ra các quyết định của nhà quản lý. Tuy nhiên, để phần mềm kế toán phát huy hết tất cả các lợi ích vốn có của nó thì cần lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp với doanh nghiệp, đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện đề ra. Theo thông tư 103/20015/TT-BTC hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện về PMKT có qui định “Tiêu chuẩn của phần mềm kế toán áp dụng tại đơn vị kế toán”:

+ Phần mềm kế toán phải hỗ trợ cho người sử dụng tuân thủ các quy định của Nhà nước về kế toán; khi sử dụng phần mềm kế toán không làm thay đổi bản

chất, nguyên tắc và phương pháp kế toán được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về kế toán.

- + Phần mềm kế toán phải có khả năng nâng cấp, có thể sửa đổi, bổ sung phù hợp với những thay đổi nhất định của chế độ kế toán và chính sách tài chính mà không ảnh hưởng đến cơ sở dữ liệu đã có
- + Phần mềm kế toán phải tự động xử lý và đảm bảo sự chính xác về số liệu kế toán.
- + Phần mềm kế toán phải đảm bảo tính bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu.

Điều kiện của phần mềm kế toán

- + Phần mềm kế toán trước khi đưa vào sử dụng phải được đặt tên, thuyết minh rõ xuất xứ, tính năng kỹ thuật, mức độ đạt các tiêu chuẩn hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định hiện hành về kế toán.
- + Phần mềm kế toán khi đưa vào sử dụng phải có tài liệu hướng dẫn cụ thể kèm theo để giúp người sử dụng vận hành an toàn, có khả năng xử lý các sự cố đơn giản.
- + Phần mềm kế toán do tổ chức, cá nhân ngoài đơn vị kế toán cung cấp phải được bảo hành trong thời hạn do hai bên thỏa thuận, ít nhất phải hoàn thành công việc kế toán của một năm tài chính.

1.3.3. Lợi ích của việc ứng dụng phần mềm kế toán

Với sự phát triển ngày càng vượt trội của công nghệ thông tin thì kế toán cũng là một ngành được ưu tiên tin học hóa nhiều nhất. Kế toán là một quá trình liên quan đến chi tiết, nếu sở hữu được một phần mềm kế toán hữu ích, đáp ứng đầy đủ các tính năng, thiết kế phù hợp với các thông tư, nghị định,... sẽ giúp đơn giản quy trình làm việc và giảm thiểu thời gian nhập liệu, lưu trữ, xử lý số liệu bằng phương pháp thủ công,...

Phần mềm kế toán có tầm quan trọng đặc biệt trong công tác kế toán và nó đã đem lại rất nhiều lợi ích cho doanh nghiệp và các bên có liên quan, cụ thể như sau:

Đối với doanh nghiệp

Việc sử dụng phần mềm kế toán mang lại nhiều tiện lợi cho kế toán viên, tiết kiệm thời gian vì không phải thực hiện tính toán bằng tay. Đối với kế toán trưởng thì việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu sổ sách, tiết kiệm thời gian trong việc tạo lập các báo cáo như: báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo quản trị, thống kê và các báo cáo này có thể được kết xuất ra từ phần mềm vào bất kỳ thời gian nào theo yêu cầu quản lý. Với giám đốc tài chính thì việc sử dụng phần mềm kế toán có thể tạo lập được các báo cáo phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp một cách nhanh chóng, từ các số liệu đó đưa ra các kế hoạch chiến lược mang lại các hiệu quả tài chính cao cho doanh nghiệp. Và phần mềm kế toán sẽ cung cấp các thông tin cần thiết cho giám đốc điều hành thông qua các báo cáo cho việc ra các quyết định kinh tế, đầu tư, điều chỉnh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả, tiết kiệm chi phí, nhân lực và tăng tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Đối với cơ quan thuế và kiểm toán

Phần mềm kế toán rất dễ dàng và tiện lợi trong việc kết xuất dữ liệu kế toán, nhờ đó công tác kiểm tra chứng từ kế toán tại các doanh nghiệp sẽ được thực hiện nhanh chóng và chính xác hơn.

1.3.4. Các tiêu chuẩn lựa chọn phần mềm kế toán tốt nhất cho doanh nghiệp

- Nguồn gốc xuất xứ
- Các vấn đề liên quan đến người sử dụng
- Các chức năng liên quan tới hoạt động kinh doanh
- Những vấn đề cần quan tâm trong công tác triển khai và kỹ thuật
- Khả năng hỗ trợ thích hợp cho các cải tiến trong tương lai
- Các yếu tố về bảo mật

1.3.5. Nhân tố tác động đến việc lựa chọn phần mềm kế toán

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, việc vận dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào các DN đã mở ra cơ hội cho Việt Nam gia nhập quốc tế với môi trường sản xuất - kinh doanh cạnh tranh gay gắt, các DN nhận thấy những ưu điểm của việc ứng dụng CNTT giúp tăng hiệu suất hoạt động. Tuy nhiên, hiện

vẫn còn một số DN sử dụng cách xử lý dữ liệu thủ công, làm tốn khá nhiều thời gian và nhân lực. Việc lựa chọn sử dụng phần mềm kế toán thích hợp sẽ giúp công tác ứng dụng phần mềm kế toán tại đơn vị thỏa mãn được nhu cầu hỗ trợ thông tin kịp thời cho nhà quản trị ra các quyết định quan trọng, nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động.

Để đáp ứng nhu cầu khách hàng, nhiều nhà cung cấp trên thị trường đã cho ra mắt các sản phẩm phần mềm kế toán đáp ứng công tác kế toán. Chính vì vậy, để lựa chọn một phần mềm kế toán đáp ứng nhu cầu, khiến người sử dụng phần mềm hài lòng không phải là một quyết định không dễ dàng, đặc biệt là đối với DN có quy mô vừa và nhỏ.

Các nghiên cứu cho thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng cùng chiều đến việc lựa chọn phần mềm kế toán, bao gồm:

- Chi phí sử dụng phần mềm kế toán: Chi phí sử dụng phần mềm Doanh nghiệp cần xem xét nguồn kinh phí đầu tư cho phần mềm và hiệu quả kinh tế của phần mềm mang lại. Phần mềm khi đầu tư với giá cả hợp lý, được sử dụng lâu dài đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, giúp cho nhân viên nghiệp vụ dễ dàng xử lý hơn khi muốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường... Khi lựa chọn phần mềm kế toán, doanh nghiệp cần quan tâm đến các yếu tố:

- ✓ Giá mua phần mềm
- ✓ Chi phí vận hành
- ✓ Phí bảo trì phần mềm

- Tính khả dụng và tính năng của phần mềm kế toán

Tính năng của phần mềm Doanh nghiệp nên chọn và sử dụng PMKT khi rủi ro, gặp sự cố hay sai sót về số liệu thì đảm bảo dữ liệu được xử lý nhanh chóng, kịp thời và 100% phải được phục hồi. Dữ liệu luôn được an toàn, mang tính bảo mật cao, việc bảo mật thông tin kế toán và đảm bảo an toàn cho dữ liệu kế toán luôn là ưu tiên hàng đầu của các doanh nghiệp., doanh nghiệp cũng phải quan tâm đến tính linh hoạt; tính bảo mật và an toàn dữ liệu; độ tin cậy và tính

chính xác; tốc độ xử lý nhanh, ổn định phù hợp và doanh nghiệp phải được phát triển phần mềm trong thời gian hợp lý

- Yêu cầu của người sử dụng phần mềm kế toán: Phần mềm kế toán có nhiều tính năng tác dụng, tuy nhiên cần dựa vào nhu cầu thực tiễn của mỗi đơn vị để lựa chọn phần mềm phù hợp với đặc thù, điều kiện và quy mô của đơn vị. Khi xem xét lựa chọn phần mềm kế toán, cần quan tâm đến các yếu tố:

- ✓ PMKT phải phù hợp với quy định của pháp luật, chế độ kế toán của DN
- ✓ Phù hợp với đặc điểm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh của DN
- ✓ Phù hợp với yêu cầu xử lý và cung cấp thông tin kế toán
- ✓ Phù hợp với yêu cầu tích hợp dữ liệu, lập báo cáo tài chính
- ✓ Phù hợp với tốc độ xử lý thông tin
- ✓ Phần mềm có giao diện dễ nhìn, dễ sử dụng, dễ kiểm tra và thuận tiện truy xuất thông tin

- Nhà cung cấp PMKT: Doanh nghiệp nhỏ và vừa nên lựa chọn nhà cung cấp PMKT đáng tin cậy và có danh tiếng trên thị trường, có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao có thể hỗ trợ tốt nhất cho các đơn vị.

- Dịch vụ hỗ trợ từ nhà cung cấp phần mềm kế toán: Khi lựa chọn PMKT, doanh nghiệp cũng cần quan tâm đến các dịch vụ hỗ trợ sau bán hàng của nhà cung cấp PMKT. Cần xem xét trên các yếu tố:

- ✓ Dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt
- ✓ Chế độ bảo hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm tốt
- ✓ Hệ thống nhân viên tư vấn, hỗ trợ khách hàng chuyên nghiệp
- ✓ Nhà cung cấp sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn

1.3.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán

Trong quá trình sử dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng phần mềm. Có thể kể đến các yếu tố sau:

- Trình độ kế toán viên: Việc bố trí nhân viên kế toán sử dụng phần mềm kế toán sao cho hiệu quả cũng cần dựa vào các yếu tố như: chuyên môn nghiệp vụ,

khả năng làm việc, khả năng thích ứng với phần mềm kế toán, có trình độ tin học và ngoại ngữ phù hợp, có thể sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm hỗ trợ.

- Đặc điểm của phần mềm kế toán doanh nghiệp lựa chọn: Để sử dụng tốt nhất, hiệu quả nhất phần mềm kế toán, cần lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp với đơn vị và phù hợp với trình độ của người sử dụng phần mềm. Lựa chọn phần mềm kế toán được thiết kế theo đặt hàng của đơn vị, tuy có chi phí cao hơn các phần mềm có sẵn đóng gói, nhưng có nhiều tính năng, mô đun phù hợp với đặc trưng đặc thù của đơn vị, giúp công tác kế toán thuận tiện, dễ dàng thao tác hơn, tiết kiệm được chi phí sử dụng phần mềm, chi phí bảo hành bảo trì.

- Chính sách của DN : Quá trình sử dụng phần mềm kế toán có nhiều thay đổi do chế độ kế toán thay đổi, các thông tư hướng dẫn, chính sách Thuế... do đó nhà quản trị cần quan tâm đến các chính sách đào tạo người lao động và các chính sách đãi ngộ đối với người lao động.

- Cơ sở vật chất của doanh nghiệp: Bao gồm hệ thống máy móc, trang thiết bị tại đơn vị và hệ thống mạng wifi, mạng Lan tại đơn vị.

Chương 2

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NINH BÌNH

2.1. Đặc điểm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Ninh Bình

2.1.1. Khái quát chung về doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt nam

Khái niệm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ bé về mặt vốn, lao động hay doanh thu.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ là tên gọi tắt của doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa được đánh giá theo tiêu chí về vốn, nguồn nhân công lao động và doanh thu sản phẩm. Theo tiêu chí của Nhóm Ngân hàng Thế giới, doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp có số lượng lao động dưới 10 người, doanh nghiệp nhỏ có số lượng lao động từ 10 đến dưới 200 người và nguồn vốn 20 tỉ trở xuống, còn doanh nghiệp vừa có từ 200 đến 300 lao động nguồn vốn 20 đến 100 tỉ.

Ở Việt Nam, căn cứ Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về định nghĩa Doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên), cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Tiêu chí quy định doanh nghiệp nhỏ và vừa

Quy mô Khu vực	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
II. Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
III. Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 50 người	từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	từ trên 50 người đến 100 người

Các tiêu chí phân loại của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Theo Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME), có gần 97% doanh nghiệp đăng ký ở Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khối này tạo ra đến 40% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tạo ra hơn 1 triệu việc làm mới mỗi năm, chủ yếu mang lại lợi ích đặc biệt cho nguồn lao động chưa qua đào tạo. Trong nhiều năm tới, khối doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn là động cơ chạy chính cho nền kinh tế Việt Nam.

Vai trò của doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường chiếm tỉ trọng lớn, thậm chí áp đảo trong tổng số doanh nghiệp. Hiện nay có tổng số 95% các doanh nghiệp đăng ký hoạt động tại Việt Nam hoạt động dưới mô hình này. Vì thế, đóng góp của họ vào tổng sản lượng và tạo việc làm là rất đáng kể.

-*Giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế:* các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường chiếm tỷ trọng lớn, thậm chí áp đảo trong tổng số doanh nghiệp (Ở Việt Nam chỉ xét các doanh nghiệp có đăng ký thì tỷ lệ này là trên 97%). Vì thế, đóng góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa vào tổng sản lượng và tạo việc làm là rất đáng kể.

- *Giữ vai trò ổn định nền kinh tế*: ở phần lớn các nền kinh tế, các doanh nghiệp nhỏ và vừa là những nhà thầu phụ cho các doanh nghiệp lớn. Sự điều chỉnh hợp đồng thầu phụ tại các thời điểm cho phép nền kinh tế có được sự ổn định. Vì thế, doanh nghiệp nhỏ và vừa được ví là thanh giám sát cho nền kinh tế.

- *Làm cho nền kinh tế năng động*: vì doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy mô nhỏ, nên dễ điều chỉnh (xét về mặt lý thuyết) hoạt động. Các công ty lớn và các tập đoàn không có được tính năng động của các đơn vị kinh tế nhỏ hơn chúng vì một nguyên nhân đơn giản là quy mô của chúng quá lớn. Một nền kinh tế đặt một tỷ lệ quá lớn nguồn lao động và tài nguyên vào tay các doanh nghiệp quy mô lớn sẽ trở nên chậm chạp, không bắt kịp và phản ứng kịp với các thay đổi trên thị trường. Ngược lại, một nền kinh tế có một tỷ lệ thích hợp các doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ trở nên “nhanh nhẹn” hơn, phản ứng kịp thời hơn. Tính hiệu quả của nền kinh tế sẽ được nâng cao.

- *Tạo nên ngành công nghiệp và dịch vụ phụ trợ quan trọng*: doanh nghiệp nhỏ và vừa thường chuyên môn hóa vào sản xuất một vài chi tiết được dùng để lắp ráp thành một sản phẩm hoàn chỉnh.

- *Là trụ cột của kinh tế địa phương*: Nếu như doanh nghiệp lớn thường đặt cơ sở ở những trung tâm kinh tế của đất nước, thì doanh nghiệp nhỏ và vừa lại có mặt ở khắp các địa phương và là người đóng góp quan trọng vào thu ngân sách, vào sản lượng và tạo công ăn việc làm ở địa phương.

- Đóng góp không nhỏ giá trị GDP cho quốc gia.

2.2.2. Đặc điểm của doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm một lượng lớn trong tổng số các doanh nghiệp trong một quốc gia, khu vực và trên toàn thế giới. Với khả năng sử dụng trên 50% tổng số lao động xã hội hiện nay và tạo ra khối lượng công ăn việc làm lớn lên tới 65% cho người lao động trên toàn cầu. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường tận dụng nhân công tại địa phương để sử dụng nhờ đó giải quyết rất nhiều bài toán nhân lực cho cơ quan nhà nước.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ có quy mô vốn khá hạn hẹp và thường không tiếp cận với nguồn vốn lớn từ các ngân hàng đầu tư. Điều này gây ra hạn chế trong việc đổi mới trang thiết bị và xúc tiến phát triển công việc cho các doanh nghiệp này.

Doanh nghiệp nhỏ có sự cạnh tranh gắt gao với các công ty tập đoàn lớn cùng làm dịch vụ với nhau. Bởi vậy các doanh nghiệp nhỏ thường gặp thua thiệt trong việc chiếm lĩnh thị trường đặc biệt ở những khu vực nước ngoài.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thương mại chứ không tập trung vào sản xuất và chế biến. Chủ yếu là các ngành nghề liên quan đến mua bán sản xuất đồ dùng các loại dịch vụ và phân bố hàng tiêu dùng.

Đặc điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Bình

- Về cơ cấu, phân bố doanh nghiệp:

Theo cục thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2022, trên địa bàn tỉnh hiện có trên 6.200 doanh nghiệp đăng ký hoạt động, với trên 170 nghìn lao động, trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm trên 90%. Trong năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023, Ninh Bình luôn duy trì tốc độ tăng trưởng nằm trong top cao của cả nước và khu vực Đồng bằng sông Hồng, đồng thời có thể tự cân đối được ngân sách, có điều tiết ngân sách về Trung ương. Kết quả đó có sự đóng góp không nhỏ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- *Về cơ cấu theo ngành nghề:* Theo cục thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2022, các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ninh Bình phân bố khá đồng đều các ngành nghề. Tuy nhiên tập trung nhiều nhất ở lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến nông, lâm, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử và xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, thương mại, dịch vụ...

Cơ cấu các ngành của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thì thấy rằng cơ cấu về số lượng các doanh nghiệp hoạt động biến đổi không nhiều từ 2019 đến năm 2022. Tuy nhiên, cơ cấu này có xu hướng giảm nhẹ đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông – lâm nghiệp, tăng nhẹ với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp xây dựng và tăng nhẹ đối

với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ. Chi tiết về số liệu có thể xem ở bảng dưới đây.

- *Về phân bố*: tính đến tháng 12 năm 2022, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình phân bố không đều. Chủ yếu vẫn tập trung tại những địa phương phát triển và có điều kiện thuận lợi hơn như KCN, các làng nghề.

Đóng góp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong kinh tế tỉnh Ninh Bình

Trong năm 2022, tình hình kinh tế thế giới vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức: giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao, sức mua giảm, hàng tồn kho chưa giảm; tình hình thời tiết rét đậm, rét hại kéo dài ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân; lãi suất ngân hàng tuy đã giảm nhưng vẫn còn ở mức cao gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư của các doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất nên giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh. Song, với sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp, các ngành, sự nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh nên sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại vẫn được duy trì ổn định và đạt tốc độ tăng trưởng khá. Cụ thể như sau:

- Năm 2022: Giá trị sản xuất công nghiệp đạt mức tăng trưởng cao đạt 22.797.216 triệu đồng, thu hút trên 12.000 lao động. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 6.981.657 triệu đồng, giá trị ngành dịch vụ đạt 25.119.845 triệu đồng.
- Giá trị hàng xuất khẩu ước đạt 3.110.650 nghìn USD chủ yếu là mặt hàng thêu, mây tre, cói, quần áo may sẵn, giày dép...
- Giá trị hàng nhập khẩu ước đạt 2.654.554 nghìn USD, chủ yếu là các mặt hàng: ô tô, xe máy, máy móc thiết bị, phụ tùng, linh kiện điện tử...

Như vậy, các doanh nghiệp Ninh Bình đã thực hiện được tính năng động, linh hoạt thích ứng với điều kiện hội nhập, sự tự tin và ý chí kinh doanh cao... và kết quả hoạt động là tích cực rất đáng khích lệ. Trong đó, một số doanh nghiệp đã khẳng định được uy tín, chất lượng, hiệu quả và thương hiệu của mình trên thị trường trong nước. Hoàn toàn có cơ sở khẳng định rằng, các doanh

ng nghiệp Ninh Bình đang và sẽ trở thành đội quân chủ lực trong sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình.

Xu thế phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới.

Nhìn vào thực tiễn phân tích về doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Ninh Bình trong thời gian qua, có thể thấy được xu thế phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ninh Bình trong thời gian tới như sau:

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại đây vẫn tiếp tục dựa vào thế mạnh của vùng về ngành nghề kinh doanh truyền thống xây dựng, du lịch,...

- Các doanh nghiệp tiếp tục dựa vào các ngành là thế mạnh của tỉnh để phát triển: phát triển các sản phẩm công nghiệp, dịch vụ, sản xuất, gia công, chế biến nông, lâm, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử và xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội , thương mại, ... Mỗi một lĩnh vực đóng góp rất lớn cho nguồn thu của ngân sách nhà nước.

- Các doanh nghiệp tiếp tục tập trung chủ yếu tại các vùng có điều kiện phát triển thuận lợi hơn ở các KCN, các làng nghề.

2.2. Khảo sát thực trạng sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Ninh Bình

Phương pháp nghiên cứu:

Nhóm tác giả dùng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện bằng kỹ thuật phỏng vấn và thảo luận nhóm, nhằm điều chỉnh, bổ sung các nhân tố tác động đến hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Ninh Bình. Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng cách thu thập dữ liệu thông qua khảo sát trực tiếp 100 doanh nghiệp bằng bảng câu hỏi soạn sẵn.

Thiết kế khảo sát

Để xây dựng kế hoạch khảo sát nhu cầu sử dụng phần mềm kế toán đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phù hợp, hiệu quả, thiết thực. Tác giả đã tiến hành khảo sát 100 doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Ninh Bình có sử dụng phần mềm kế toán.

Mục tiêu nghiên cứu thực trạng sử dụng phần mềm kế toán: nhằm xác định phần mềm kế toán đã đáp ứng được sự hài lòng của doanh nghiệp hay chưa và có các đề xuất kiến nghị để hoàn thiện phần mềm và sử dụng phần mềm hiệu quả hơn.

Nội dung khảo sát: Thực trạng sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng vào công tác kế toán, quản lý. Đánh giá nhận xét phần mềm kế toán.

Đối tượng khảo sát: Kế toán trưởng, các nhân viên kế toán, ban giám đốc của doanh nghiệp, các nhân viên văn phòng của các doanh nghiệp đang làm việc tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng trên địa bàn Ninh Bình.

Phương pháp khảo sát: phiếu khảo sát được tác giả thiết kế sẵn và tiến hành khảo sát qua 2 con đường chính như sau:

- + Gửi phiếu khảo sát qua email và zalo cá nhân của đại diện doanh nghiệp.
- + Gọi điện đến doanh nghiệp phỏng vấn trực tiếp.

Tác giả dùng phương pháp thu thập, phân tích số liệu, nhận xét số liệu đã tổng hợp được trong quá trình khảo sát.

Tổ chức tiến hành

Tác giả tiến hành gửi email và zalo 130 phiếu và gọi điện phỏng vấn trực tiếp 20 doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh bằng nội dung khảo sát đã thiết kế sẵn, tác giả đã nhận được những phản hồi của doanh nghiệp trả lời và không nhận được doanh nghiệp trả lời, có doanh nghiệp trả lời rất nhanh gửi lại ngay trong ngày. Trong thời gian 30 ngày tác giả đã tiến hành thu thập được 80 phiếu khảo sát qua thư, zalo và 20 phiếu tác giả gọi điện phỏng vấn trực tiếp và tiến hành thu thập, tổng hợp lại để phân tích, nhận xét thông qua phiếu khảo sát.

2.2.1. Khảo sát doanh nghiệp và loại phần mềm các doanh nghiệp lựa chọn sử dụng trên địa bàn thành phố Ninh Bình

Tác giả phát ra 150 phiếu khảo sát và thu nhận được 100 phiếu nhận thuộc lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ trong đó chiếm tỷ lệ cao nhất là lĩnh vực thương mại 34% doanh nghiệp đã và đang dùng phần mềm kế toán. Lĩnh vực sản xuất chiếm 23%, lĩnh vực dịch vụ chiếm 22%, xây lắp chiếm 13%

điều này thể hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang rất quan tâm về phần mềm kế toán trong lĩnh vực thương mại và sản xuất.

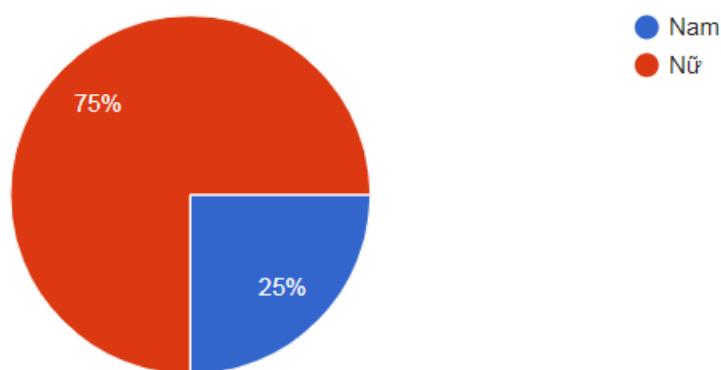
Bảng 2.2. Kết quả số phiếu khảo sát

Lĩnh vực kinh doanh	Số phiếu thu về
Thương mại	34
Sản xuất	23
Dịch vụ	22
Du lịch	2
Xây lắp	13
Khác	6
Tổng	100

(Nguồn: Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

Về giới tính của đối tượng trả lời phiếu khảo sát, nữ giới chiếm số lượng lớn hơn nam giới chiếm tỷ lệ 75%, nam giới chiếm 25%.

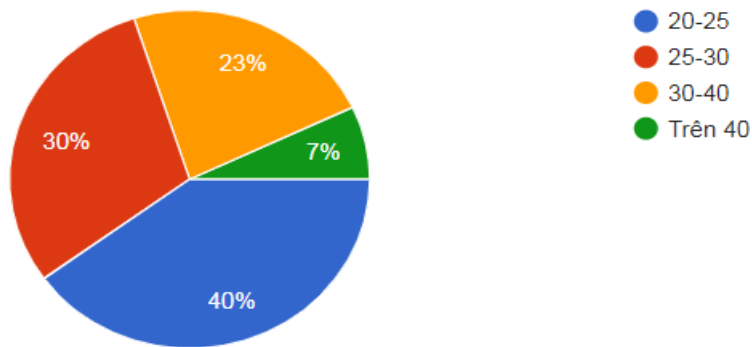
Biểu đồ 2.1. Về giới tính



(Nguồn: Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

Về độ tuổi, nhiều nhất trong độ tuổi từ 20-25 chiếm 40%, tiếp đến là trong độ tuổi từ 25-30 chiếm 30%, từ 30-40 tuổi chiếm 23%, cuối cùng là trên 40 tuổi chiếm 7%.

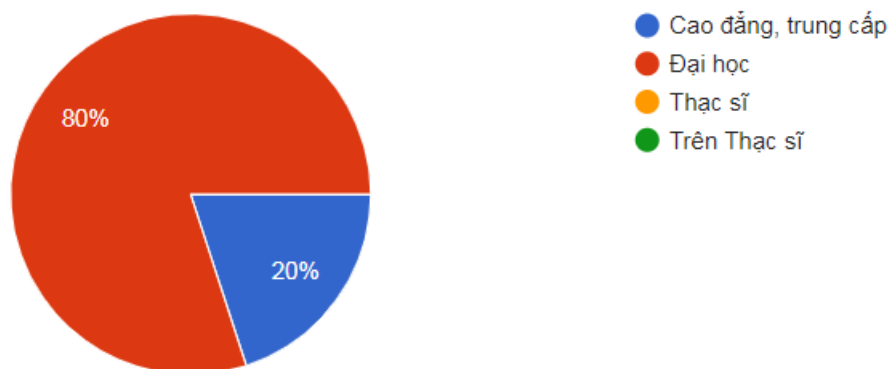
Biểu đồ 2.2. Về độ tuổi



(Nguồn: Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

Về trình độ học vấn, trình độ đại học có 80 người, nhiều nhất trong số lượng khảo sát (chiếm 80%), là trình độ cao đẳng, trung cấp với 20 người (chiếm 20%).

Biểu đồ 2.3. Về trình độ



(Nguồn: Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

Về sản phẩm phần mềm kế toán, chủ yếu các DN đều sử dụng phần mềm mua ngoài với do tính linh hoạt thỏa mãn được nhu cầu khi dùng của DN, khắc phục những hạn chế vốn có, mang lại lợi ích và các tính năng phù hợp với đặc điểm, quy mô của từng loại hình công ty cụ thể.

Bảng 2.3. Phần mềm kế toán đang được sử dụng tại TP Ninh Bình

Tên phần mềm	Số DN sử dụng phần mềm	Tỷ lệ(%)
MISA	74	74
Fast Accounting	13	13
SAS INNOVA	10	10
TRM	1	1
Adsoft	1	1
Cyber	1	1
Tổng	100	100

(Nguồn : Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

2.2.2. Nhân tố tác động đến việc lựa chọn phần mềm kế toán

Việc sử dụng phần mềm kế toán đem đến nhiều lợi ích cho DN, không chỉ giúp kế toán viên tiết kiệm được nhiều thời gian và nguồn lực trong việc hạch toán, ghi sổ, lập báo cáo mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất hoạt động của DN. Một số lợi ích chủ yếu khi áp dụng phần mềm kế toán chính là: tự động hóa hầu hết các thao tác thủ công thông thường; giúp công tác kế toán đạt được chính xác hơn cũng như giúp cho các nhà quản lý có thể theo dõi chặt chẽ lượng hàng tồn kho của từng loại hàng hóa, vật tư và hàng loạt các tài sản khác trong đơn vị một cách rõ ràng cụ thể.

Theo quy định pháp lý hiện hành tại Việt Nam, phần mềm kế toán áp dụng tại đơn vị kế toán nhất thiết phải có bốn tiêu chuẩn sau: phải được thiết kế để trích xuất ra báo cáo phù hợp với quy định và chuẩn mực kế toán hiện hành; có thể nâng cấp và sửa đổi khi có sự thay đổi trong chế độ kế toán mà vẫn đảm bảo không tác động đến dữ liệu sẵn có; có khả năng xử lý các dữ liệu kế toán một cách tự động đồng thời đảm bảo độ chính xác của số liệu; dữ liệu trên phần mềm kế toán được bảo mật an toàn. Từ đó, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của một doanh nghiệp bao gồm:

- Yêu cầu của người dùng phần mềm
- Các tính năng của phần mềm
- Chi phí sử dụng phần mềm

- Sự hỗ trợ và uy tín của nhà cung cấp phần mềm

Tác giả đã thu thập kết quả từ 100 phiếu khảo sát của 100 doanh nghiệp vừa và nhỏ dựa trên các nhân tố ảnh hưởng trên. Kết quả thu được như sau:

2.2.2.1. Yêu cầu của người dùng phần mềm

Quyết định lựa chọn Phần mềm kế toán phù hợp cho doanh nghiệp cần dựa vào nhu cầu thực tiễn của mỗi đơn vị để lựa chọn phần mềm phù hợp với đặc thù, điều kiện và quy mô của đơn vị. Khi xem xét lựa chọn phần mềm kế toán, cần quan tâm đến các yếu tố:

- ✓ PMKT phải phù hợp với quy định của pháp luật, chế độ kế toán của DN
- ✓ Phù hợp với đặc điểm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh của DN
- ✓ Phù hợp với yêu cầu xử lý và cung cấp thông tin kế toán
- ✓ Phù hợp với yêu cầu tích hợp dữ liệu, lập báo cáo tài chính
- ✓ Phù hợp với tốc độ xử lý thông tin
- ✓ Phần mềm có giao diện dễ nhìn, dễ sử dụng, dễ kiểm tra và thuận tiện truy xuất thông tin

Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát trên 100 doanh nghiệp về các yếu tố tác động này theo 5 mức độ: Không cần thiết, Ít cần thiết, không biết, cần thiết, rất cần thiết thu được kết quả như bảng sau:

Bảng 2.4. Yêu cầu của người dùng phần mềm

	Không cần thiết	Ít cần thiết	Không biết	Cần thiết	Rất cần thiết
1. Phù hợp với quy định của pháp luật, chế độ kế toán của Doanh nghiệp	0	0	2	50	48
2. Phù hợp với đặc điểm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	0	0	2	47	51
3. Phù hợp với yêu cầu xử lý và cung cấp thông tin kế toán	0	0	3	48	49
4. Phù hợp với yêu cầu tích hợp dữ liệu, lập báo cáo tài chính	0	0	2	48	50
5. Phù hợp với tốc độ xử lý thông tin	0	0	2	51	47
6. Phần mềm có giao diện dễ nhìn, dễ sử dụng, dễ kiểm tra và thuận tiện truy xuất thông tin	0	0	2	47	51

(Nguồn : Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

- Về nội dung Phù hợp với quy định của pháp luật, chế độ kế toán của Doanh nghiệp: chủ yếu là mức cần thiết (50/100 phiếu) chiếm 50%, mức rất cần thiết (48/100 phiếu) chiếm 48%, mức không biết 2/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%. Chúng tôi lựa chọn phần mềm kế toán cần phải phù hợp với quy định của pháp luật, chế độ kế toán của Doanh nghiệp.

- Về nội dung Phù hợp với đặc điểm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: chủ yếu là mức rất cần thiết (51/100 phiếu) chiếm 51%, mức cần thiết (47/100 phiếu) chiếm 47%, mức không biết 2/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%. Chúng tôi lựa chọn phần mềm kế toán cần phải phù hợp với đặc điểm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về nội dung Phù hợp với yêu cầu xử lý và cung cấp thông tin kế toán: chủ yếu là mức rất cần thiết (49/100 phiếu) chiếm 49%, mức cần thiết (48/100

phiếu) chiếm 48%, mức không biết 3/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%. Chúng tôi lựa chọn phần mềm kế toán cần phải phù hợp với yêu cầu xử lý và cung cấp thông tin kế toán.

- Về nội dung Phù hợp với yêu cầu tích hợp dữ liệu, lập báo cáo tài chính: chủ yếu là mức rất cần thiết (50/100 phiếu) chiếm 50%, mức cần thiết (48/100 phiếu) chiếm 48%, mức không biết 2/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%. Chúng tôi lựa chọn phần mềm kế toán cần phải phù hợp với yêu cầu tích hợp dữ liệu, lập báo cáo tài chính.

- Về nội dung Phù hợp với tốc độ xử lý thông tin: chủ yếu là mức cần thiết (51/100 phiếu) chiếm 51%, mức rất cần thiết (47/100 phiếu) chiếm 48%, mức không biết 2/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%. Chúng tôi lựa chọn phần mềm kế toán cần phải phù hợp với tốc độ xử lý thông tin.

- Về nội dung Phần mềm có giao diện dễ nhìn, dễ sử dụng, dễ kiểm tra và thuận tiện truy xuất thông tin: chủ yếu là mức rất cần thiết (51/100 phiếu) chiếm 51%, mức cần thiết (47/100 phiếu) chiếm 48%, mức không biết 2/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%. Chúng tôi lựa chọn phần mềm kế toán cần phải lựa chọn các phần mềm có giao diện dễ nhìn, dễ sử dụng, dễ kiểm tra và thuận tiện truy xuất thông tin.

2.2.2.2. Các tính năng của phần mềm

Tính năng của phần mềm Doanh nghiệp nên chọn và sử dụng PMKT khi rủi ro, gặp sự cố hay sai sót về số liệu thì đảm bảo dữ liệu được xử lý nhanh chóng, kịp thời và 100% phải được phục hồi. Đối với doanh nghiệp cần quan tâm đến tính linh hoạt; tính bảo mật và an toàn dữ liệu; độ tin cậy và tính chính xác; tốc độ xử lý nhanh, ổn định phù hợp và doanh nghiệp phải được phát triển phần mềm trong thời gian hợp lý. Số liệu khảo sát tổng hợp được như bảng sau:

Bảng 2.5. Các tính năng của phần mềm

	Không cần thiết	Ít cần thiết	Không biết	Cần thiết	Rất cần thiết
1. Tính linh hoạt	0	0	2	48	50
2. Độ tin cậy và chính xác cao	0	0	2	44	54
3. Bảo mật thông tin và an toàn	0	0	2	41	57
4. Khả năng tương thích, nâng cấp và cập nhật theo chế độ	0	0	2	45	53

(Nguồn : Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

- Về tính linh hoạt của phần mềm kế toán: chủ yếu là mức rất cần thiết (50/100 phiếu) chiếm 49%, mức cần thiết (48/100 phiếu) chiếm 48%, mức không biết 3/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%.
- Về độ tin cậy và chính xác cao: chủ yếu là mức rất cần thiết (54/100 phiếu) chiếm 54%, mức cần thiết (44/100 phiếu) chiếm 44%, mức không biết 2/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%.
- Về tính bảo mật và an toàn của thông tin: chủ yếu là mức rất cần thiết (57/100 phiếu) chiếm 57%, mức cần thiết (41/100 phiếu) chiếm 48%, mức không biết 2/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%.
- Về khả năng tương thích, nâng cấp và cập nhật theo chế độ của phần mềm kế toán: chủ yếu là mức rất cần thiết (53/100 phiếu) chiếm 53%, mức cần thiết (45/100 phiếu) chiếm 45%, mức không biết 2/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%.

2.2.2.3. Chi phí sử dụng phần mềm

Chi phí sử dụng phần mềm Doanh nghiệp cần xem xét nguồn kinh phí đầu tư cho phần mềm và hiệu quả kinh tế của phần mềm mang lại. Phần mềm khi đầu tư với giá cả hợp lý, được sử dụng lâu dài đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, giúp cho nhân viên nghiệp vụ dễ dàng xử lý hơn khi muốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường...

Bảng 2.6. Chi phí sử dụng phần mềm

	Không cần thiết	Ít cần thiết	Không biết	Cần thiết	Rất cần thiết
1. Giá mua phần mềm	0	0	6	44	50
2. Chi phí vận hành	1	0	5	45	49
3. Phí bảo trì bảo hành	1	0	5	43	51
		0			

(Nguồn : Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

- Về yếu tố giá mua phần mềm: phần lớn câu trả lời ở mức rất cần thiết (50/100), chiếm 50%, mức cần thiết (44/100 phiếu) chiếm 44%, mức không biết 6/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%.
- Về yếu tố chi phí vận hành: phần lớn câu trả lời ở mức rất cần thiết (49/100), chiếm 50%, mức cần thiết (45/100 phiếu) chiếm 45%, mức không biết 5/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%.
- Về yếu tố chi phí bảo trì bảo hành phần mềm: phần lớn câu trả lời ở mức rất cần thiết (51/100), chiếm 51%, mức cần thiết (43/100 phiếu) chiếm 43%, mức không biết 5/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%.

2.2.2.4. Nhà cung cấp phần mềm

Nhà cung cấp phần mềm là người tạo ra các phần mềm kế toán. Trên thị trường có rất nhiều nhà cung cấp với đủ các loại phần mềm kế toán. Việc lựa chọn nhà cung cấp PMKT cần xem xét đến mức độ đáng tin cậy và có danh tiếng trên thị trường, có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao có thể hỗ trợ tốt nhất cho các đơn vị. Số liệu sau khảo sát tổng hợp được về nhà cung cấp phần mềm được thể hiện trong bảng sau.

Bảng 2.7. Nhà cung cấp phần mềm

	Không cần thiết	Ít cần thiết	Không biết	Cần thiết	Rất cần thiết
1. Có danh tiếng trên thị trường phần mềm	0	0	3	55	42
2. Khả năng hướng dẫn tốt của nhà cung cấp cho người sử dụng	0	1	2	51	46
3. Khả năng hỗ trợ tốt từ nhà cung cấp trong việc bảo trì và nâng cấp phần mềm	0	0	4	50	46

(Nguồn : Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

- Về uy tín của nhà cung cấp phần mềm: phần lớn câu trả lời ở mức cần thiết (55/100), chiếm 55%, mức rất cần thiết (42/100 phiếu) chiếm 42%, mức không biết 3/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%. Như vậy khi xem xét mua phần mềm kế toán, DN cần phải chú ý đến yếu tố uy tín của nhà cung cấp. nhà cung cấp phần mềm càng có uy tín thì phần mềm càng có chất lượng tốt.

- Về khả năng hướng dẫn tốt của nhà cung cấp phần mềm cho người sử dụng: phần lớn câu trả lời ở mức cần thiết (51/100), chiếm 51%, mức cần thiết (46/100 phiếu) chiếm 46%, mức không biết 2/100 phiếu, mức ít cần thiết là 1%.

- Về Khả năng hỗ trợ tốt từ nhà cung cấp trong việc bảo trì và nâng cấp phần mềm: phần lớn câu trả lời ở mức rất cần thiết (50/100), chiếm 50%, mức cần thiết (46/100 phiếu) chiếm 46%, mức không biết 4/100 phiếu, mức không cần thiết và ít cần thiết là 0%.

2.2.2.5. Dịch vụ sau bán hàng

Khi lựa chọn PMKT, doanh nghiệp cũng cần quan tâm đến các dịch vụ hỗ trợ sau bán hàng của nhà cung cấp PMKT. Các phiếu khảo sát đã khảo sát trên 4 yếu tố và thu được kết quả như bảng sau:

Bảng 2.8. Dịch vụ sau bán hàng

	Không cần thiết	Ít cần thiết	Không biết	Cần thiết	Rất cần thiết
1. Dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt	0	1	2	49	48
2. Chế độ bảo hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm tốt	0	2	2	49	47
3. Hệ thống nhân viên tư vấn, hỗ trợ khách hàng chuyên nghiệp	0	1	3	50	46
4. Nhà cung cấp sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn	0	0	3	51	46

(Nguồn : Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

Như vậy có thể thấy nhân tố “yêu cầu của người sử dụng phần mềm kế toán” là nhân tố tác động mạnh nhất đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của một doanh nghiệp. Một phần mềm kế toán đáp ứng được các yêu cầu của người sử dụng như phù hợp với quy mô, đặc điểm của DN, các chính sách của Nhà nước và nhu cầu xử lý thông tin kế toán... thì khả năng DN quyết định lựa chọn phần mềm kế toán đó càng cao. Hiện nay, yêu cầu của người sử dụng đối với phần mềm kế toán ngày càng khắt khe và cũng là tiêu chí thiết yếu để họ lựa chọn phần mềm kế toán, do các phần mềm kế toán thường được thiết kế sẵn các biểu mẫu về chứng từ, sổ sách, báo cáo, hệ thống tài khoản và hoá đơn điện tử phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như quá trình hội nhập quốc tế và ứng dụng công nghệ thông tin. Vì vậy, việc tích hợp, trích xuất dữ liệu kế toán không những chính xác và kịp thời mà còn tuân thủ chính sách, chế độ kế toán hiện hành ngày càng trở nên quan trọng đối với DN.

Nhân tố “Tính khả dụng và tính năng của phần mềm kế toán” có mức độ tác động cũng không kém. Phần mềm kế toán có khả năng hỗ trợ các thao tác cho người dùng, đặc biệt là người mới sử dụng, đảm bảo được độ tin cậy, chính xác và bảo mật cao sẽ thúc đẩy các DN quyết định lựa chọn phần mềm kế toán đó. Do vậy, tính khả dụng và tính năng của một phần mềm kế toán ngày càng trở

thành một trong những nhân tố quan trọng khi các DN đưa ra quyết định lựa chọn phần mềm kế toán.

Nhân tố "chi phí sử dụng phần mềm kế toán", nhân tố này có tác động mạnh xếp thứ ba Việc tối thiểu hóa chi phí sử dụng cũng như giá phí bản quyền của phần mềm kế toán sẽ làm cho quyết định lựa chọn phần mềm đó tăng lên tương ứng.

Nhân tố "Dịch vụ hỗ trợ từ nhà cung cấp phần mềm kế toán" có tác động mạnh thứ tư. Tại địa bàn TP Ninh Bình các công ty thiết kế phần mềm chưa phát triển, nên việc tự lắp đặt, sửa chữa cũng như nâng cấp phần mềm kế toán là không khả thi, vì vậy, cần có sự hỗ trợ tích cực và kịp thời của nhà cung cấp phần mềm kế toán. Nếu nhà cung cấp có các chính sách hỗ trợ cho người dùng khi gặp vấn đề trong quá trình lắp đặt và sử dụng thì sẽ nhận được sự lựa chọn cũng như đánh giá tích cực của nhiều DN.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán

Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ tin học, phần mềm kế toán như 1 công cụ không thể thiếu đối với mỗi một doanh nghiệp. Không chỉ các doanh nghiệp lớn mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng cần có cho mình một phần mềm kế toán để xử lý hiệu quả công tác kế toán, giúp Doanh nghiệp:

- Quản lý nguồn tiền hiệu quả
- Tiết kiệm thời gian nhập liệu vào sổ sách kế toán
- Quản lý tốt chi phí trong doanh nghiệp
- Đối chiếu kiểm tra số liệu chính xác, kịp thời phát hiện sai sót
- Lập báo cáo tài chính nhanh và chính xác
- Hỗ trợ lập chiến lược kinh doanh hiệu quả

Để phát huy hết được vai trò, công năng của phần mềm kế toán đối với công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, Doanh nghiệp cần xác định các nhân tố có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình sử dụng phần mềm kế toán tại đơn vị để từ đó có giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán.

Nhóm tác giả tổng hợp kết quả các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán theo phiếu khảo sát phát ra như sau:

2.2.3.1. Trình độ kế toán viên

Đối tượng đã trả lời qua phiếu có kết quả như sau:

Bảng 2.9. Đối tượng trả lời phiếu hỏi

Chuyên ngành đào tạo của đối tượng trả lời	Phiếu khảo sát	Trao đổi trực tiếp	Tổng	Tỷ lệ (%)
Kế toán- tài chính	66	18	84	84
Quản trị kinh doanh	5	0	5	5
Kiểm toán	0	0	0	0
Ngân hàng	0	0	0	0
Khác	9	2	11	11
Tổng	80	20	100	100

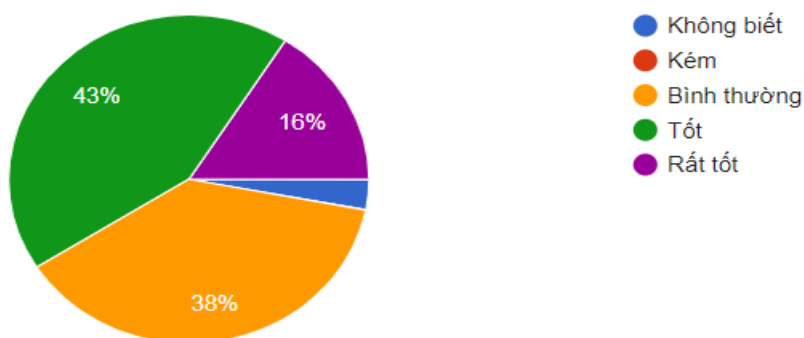
(Nguồn: Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

Trình độ học vấn của đối tượng trả lời:

Nhóm tác giả đã nhận được 100 câu trả lời từ phiếu khảo sát và phỏng vấn trực tiếp của đối tượng tham gia khảo sát. Đối tượng trả lời phần lớn là chuyên ngành kế toán tài chính (chiếm 84%), trình độ học vấn là đại học (80%) chứng tỏ các Doanh nghiệp đã chú trọng vào nâng cao trình độ người sử dụng phần mềm kế toán để đạt hiệu quả sử dụng tối đa nhất, tuy nhiên vẫn có 11% các doanh nghiệp không quan tâm đến yếu tố này.

2.2.3.2. Khả năng ứng dụng phần mềm kế toán của doanh nghiệp

Hình 2.4. Khả năng ứng dụng phần mềm



(Nguồn: Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

Theo kết quả khảo sát cho thấy, có 43% người trả lời đánh giá khả năng sử dụng phần mềm kế toán của bản thân là tốt. 38% người trả lời tự đánh giá khả năng sử dụng phần mềm kế toán của mình là bình thường. 16% người trả lời tự đánh giá khả năng sử dụng phần mềm kế toán của mình là rất tốt. có 3 người trả lời là không biết.

2.2.3.3. Đặc điểm của phần mềm kế toán doanh nghiệp lựa chọn

Trong số 100 doanh nghiệp đang sử dụng phần mềm kế toán được khảo sát, tác giả đã tổng hợp các ý kiến và rút ra nhận xét như sau: có 100 doanh nghiệp đã mua phần mềm thì có 74 doanh nghiệp mua phần mềm kế toán Misa của công ty CP Misa, 13 doanh nghiệp mua phần mềm kế toán của công ty CP Fast, phần mềm Sas innova có 10 doanh nghiệp đang sử dụng, 1 doanh nghiệp đang sử dụng phần mềm kế toán Adsoft, 1 doanh nghiệp đang sử dụng phần mềm kế toán Adsoft Cyber, 1 doanh nghiệp đang sử dụng phần mềm kế toán TRM.

Bảng 2.10. Phần mềm kế toán đang được sử dụng tại TP Ninh Bình

Tên phần mềm	Số DN sử dụng phần mềm	Tỷ lệ(%)
MISA	74	74
Fast Accounting	13	13
SAS INNOVA	10	10
TRM	1	1
Adsoft	1	1
Cyber	1	1
Tổng	100	100

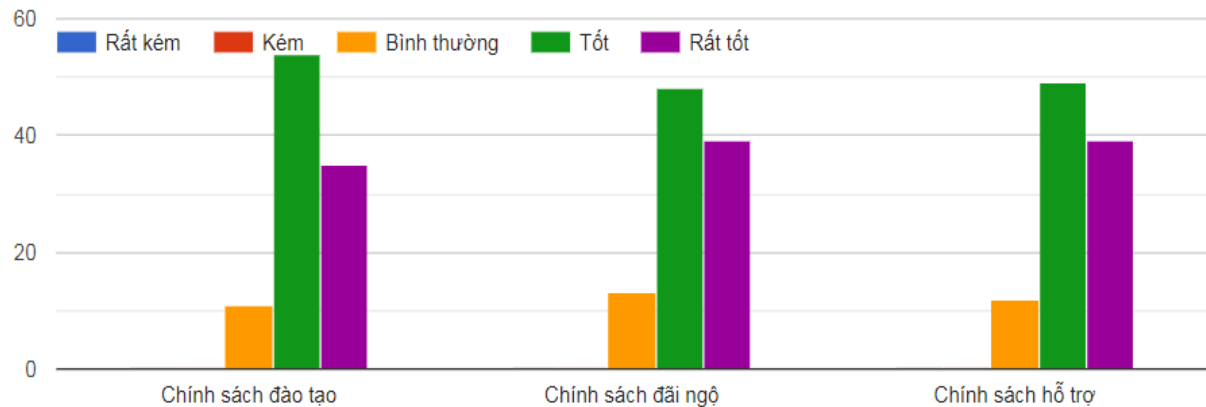
(Nguồn : Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

Như vậy, qua kết quả khảo sát thấy rằng các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang sử dụng phần mềm kế toán trong nước sản xuất và đã có mặt rất lâu và có uy tín trên thị trường trong đó phần mềm kế toán đóng gói chiếm 95,16% và chỉ có 3 doanh nghiệp đặt hàng phần mềm kế toán may đo theo yêu cầu của doanh

nghiệp với chi phí cao hơn so với phần mềm đóng gói chiếm 4,84%. Các phần mềm này đều được cài đặt trên window XP.

2.2.3.4. Chính sách của Doanh nghiệp

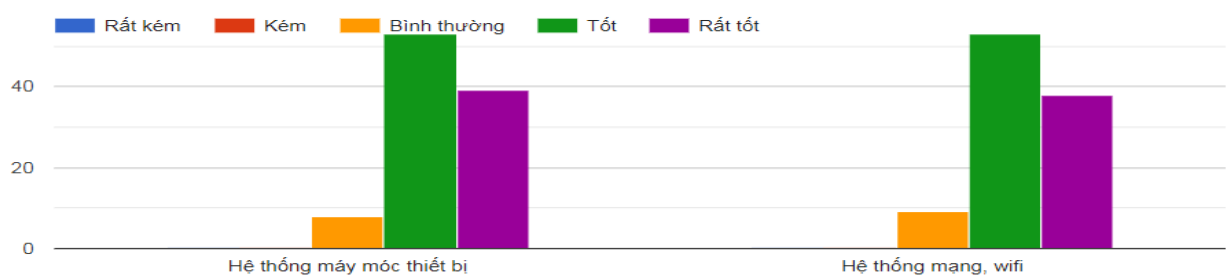
Hình 2.5. Chính sách của doanh nghiệp



(Nguồn: Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

- Cơ sở vật chất của doanh nghiệp

Hình 2.6. Cơ sở vật chất



(Nguồn: Theo khảo sát và tổng hợp của tác giả)

Nghiên cứu kết quả nhận được từ khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán cho thấy:

- Nhân tố “trình độ nhân viên kế toán” có vai trò quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán tại đơn vị. Người sử dụng phần mềm kế toán hầu hết có trình độ đại học trở lên, được đào tạo có chuyên môn tốt, sử dụng thành thạo phần mềm kế toán, có khả năng sử dụng thành thạo phần mềm kế toán theo yêu cầu của đơn vị.

- Nhân tố “ đặc điểm của phần mềm kế toán được chọn” là nhân tố ảnh hưởng quan trọng thứ hai. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cập nhật thường xuyên các chế độ chính sách, giao diện dễ sử dụng, có tích hợp với các phần mềm hỗ trợ của Cơ quan Thuế, hóa đơn điện tử...

- Nhân tố “chính sách của doanh nghiệp” cũng là một nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp đầu tư vào máy móc thiết bị hiện đại, hệ thống mạng lan, hệ thống quản trị mạng tốt, wifi đường truyền tốt... là cơ sở để cài đặt sử dụng hiệu quả phần mềm kế toán, giúp công tác kế toán được trơn tru, phát huy hiệu quả cao. Hầu hết các phiếu trả lời đều đánh giá hệ thống máy móc, thiết bị, hệ thống mạng, wifi của các doanh nghiệp là tốt và rất tốt.

2.2.4. Các yếu tố cần thiết để nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán

Nhóm tác giả đã phỏng vấn và khảo sát các doanh nghiệp đã và đang sử dụng phần mềm kế toán, lấy ý kiến của đơn vị về các yếu tố cần thiết để có thể nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán tại đơn vị mình. Trong số 100 phiếu khảo sát thu về, nhóm tác giả nhận được hơn 20 ý kiến nhằm nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán.

Các ý kiến tập trung vào nhiều nhất đó là đơn vị cần thường xuyên cho nhân viên kế toán đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kịp thời cập nhật thay đổi của chế độ kế toán. Nâng cấp phần mềm kế toán để đáp ứng được yêu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin kế toán. Cần đổi mới hệ thống máy móc thiết bị lạc hậu, đầu tư thiết bị mới đáp ứng nhu cầu của các phần mềm hiện đại...

2.4. Đánh giá chung về thực trạng sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn Ninh Bình

Qua quá trình khảo sát điều tra đánh giá chất lượng PMKT và từ mô hình chất lượng được rút ra, tác giả có một số nhận xét đóng góp sau:

Ưu điểm:

Qua khảo sát cho thấy các DNTM trên địa bàn Ninh Bình phần lớn ứng dụng PMKT dành cho DN vừa và nhỏ do các công ty phần mềm trong nước cung cấp vì chi phí đầu tư phù hợp, giao diện dễ sử dụng, được tư vấn, hỗ trợ thường xuyên; cập nhật theo chế độ, chính sách về kế toán, thuế... kịp thời. Một số phần mềm kế toán trong nước có giá bán tương đối rẻ, dưới 10 triệu đồng (Unesco, AC soft, Vinet,...), trên 10 triệu đồng (AccNet, Effect, LemonTree, Fast, ...);

Hỗ trợ của những phần mềm kế toán giúp doanh nghiệp có thể kinh doanh, hoạt động hiệu quả hơn. Các phần mềm hiện nay được cung cấp với số lượng đa dạng, được sử dụng thông dụng, nhiều sự lựa chọn khác nhau. Bởi thế, người dùng có thể tìm hiểu và đưa ra cho mình quyết định cuối cùng thích hợp nhất.

Việc ứng dụng phần mềm kế toán giúp doanh nghiệp tối ưu công việc. Tiết kiệm thời gian cho việc thực hiện các phép tính, thống kê số liệu kế toán phức tạp. Đảm bảo độ chính xác cao, hạn chế sai sót số liệu tối ưu so với việc tính toán, thống kê bằng phương pháp thủ công. Người dùng không cần mất nhiều thời gian để nắm thông tin sử dụng.

Các phần mềm sản xuất trong nước được xây dựng thông thường bằng tiếng Việt (trừ khi có yêu cầu bằng tiếng Anh), và tài liệu hướng dẫn sử dụng cũng vậy. Việc này tạo thuận lợi hơn cho việc khai thác sử dụng chương trình phần mềm đối với các nhân viên kế toán người Việt.

Hệ thống kế toán xây dựng trong phần mềm phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam. Đây là ưu điểm rất lớn mà các phần mềm kế toán nước ngoài bán tại Việt Nam phải chật vật mới có thể theo kịp. Các thay đổi thường xuyên của Bộ Tài Chính về chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong nước được cập nhật nhanh hơn so với các phần mềm nước ngoài. Đây là ưu điểm khách quan của phần mềm kế toán trong nước đối với phần mềm kế toán nước ngoài.

Công việc bảo hành, bảo trì nhanh chóng, kịp thời, thông thường các chuyên viên viết phần mềm và các nhân viên chuyển giao phần mềm đều là

người Việt Nam và ở Việt Nam nên khoảng cách địa lý không tạo ra chi phí lớn cho việc bảo hành, bảo trì. Mặt khác, giá nhân công ở Việt Nam rẻ hơn nhiều so với các chi phí cho người nước ngoài mỗi khi cần các chuyên viên kinh nghiệm nên việc bảo hành, bảo trì cũng tốn chi phí ít hơn.

Hạn chế:

Về chất lượng phần mềm

Các phần mềm kế toán hiện nay đáp ứng tốt về mặt thiết kế (giao diện, trình bày báo biểu) tuy nhiên, về mặt chức năng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu cần thiết. Đa số các yêu cầu cơ bản phần mềm đều đáp ứng tốt tuy nhiên các chức năng cần thiết về xử lý tự động, hỗ trợ ngôn ngữ nước ngoài, hay nhập liệu online ... là các chức năng thật sự cần thiết và đang dần là một trong những yêu cầu quan trọng trong giai đoạn hiện nay lại dường như không được chú trọng, qua các ý kiến phỏng vấn đánh giá từ khách hàng và cụ thể qua hồi đáp từ bảng câu hỏi, các chức năng này có giá trị trung bình thấp so với các biến khác

Vì phần lớn các DN NVV trên địa bàn tỉnh Ninh Bình sử dụng phần mềm kế toán đóng gói sẵn nên tính bảo mật thông thường, dễ dàng bị phát vỡ, các thông tin bảo mật của doanh nghiệp chưa thật sự an toàn tuyệt đối, có thể có những tác động gây ra những ảnh hưởng tiêu cực tới doanh nghiệp. Tính an toàn cũng là một trong những yếu tố được cho là quan trọng góp phần nâng cao chất lượng phần mềm kế toán, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi công nghệ thông tin phát triển mạnh thì các yêu cầu về bảo mật số liệu của doanh nghiệp cần được quan tâm nhiều hơn. Thông tin, số liệu bị đối thủ cạnh tranh khai thác được sẽ là một nguy cơ cho sự phá sản trong kinh doanh của DN. Phần mềm kế toán cần có thêm nhiều hình thức bảo mật đảm bảo độ an toàn thông tin và số liệu như hình thức phân quyền truy cập vào hệ thống; lưu vết tên người nhập, sửa đổi dữ liệu. Đây là một trong những biện pháp kiểm soát tốt và đảm bảo an toàn cho hệ thống.

Chưa thực sự khai thác triệt để hiệu quả các tính năng của các phần mềm nên việc sử dụng nhiều phần mềm mà không có sự kết nối giữa các phần mềm

với nhau dẫn tới sự lãng phí cũng như làm giảm chất lượng của thông tin do kế toán cung cấp.

Về chức năng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu cần thiết. Các chức năng cần thiết về xử lý tự động, hỗ trợ ngôn ngữ nước ngoài, hay nhập liệu online ... là các chức năng thật sự cần thiết và đang dần là một trong những yêu cầu quan trọng trong giai đoạn hiện nay lại dường như không được chú trọng, qua các ý kiến phỏng vấn đánh giá từ khách hàng và cụ thể qua hồi đáp từ bảng câu hỏi, các chức năng này có giá trị trung bình thấp so với các biến khác. Người dùng ít được quyền yêu cầu chỉnh sửa những gì đã có và chỉ sử dụng những tiện ích đang được lập trình sẵn. Ngoài ra, nhiều phần mềm mà không có sự kết nối giữa các phần mềm với nhau dẫn tới sự lãng phí cũng như làm giảm chất lượng của thông tin do kế toán cung cấp.

Về dịch vụ hỗ trợ và chăm sóc khách hàng

Hỗ trợ khách hàng sau mua cũng là một trong những yêu cầu mà DN cung cấp phần mềm hết sức lưu ý. Đa số các phản hồi về hỗ trợ khách hàng khá kém sau khi hết thời gian bảo hành và chi phí cho việc sửa chữa sau bảo hành hay mua thêm thời gian bảo hành khá cao. Điều này khiến các khách hàng có cảm nhận và đánh giá thấp về chất lượng phần mềm. Doanh nghiệp thiết kế phần mềm cần có thêm nhiều chính sách, hỗ trợ cũng như giúp khách hàng nhận biết được các lợi ích khi sử dụng phần mềm hay việc mua bảo hành cho phần mềm là rất cần thiết khi so sánh giữa chi phí và lợi ích thu được cho khách hàng.

Như thế, công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ thì phần mềm được cung cấp ngày càng đa dạng. Tùy thuộc vào yêu cầu, đòi hỏi của từng người mà việc lựa chọn và sử dụng phần mềm sao cho thích hợp trở nên dễ dàng hơn. Bởi thế, việc mà mỗi đơn vị cần làm là xác định mục đích sử dụng phần mềm của doanh nghiệp mình, từ đó xác định yêu cầu đối với phần mềm, lựa chọn công ty cung cấp dịch vụ uy tín. Từ đó, việc sớm sở hữu được phần mềm hỗ trợ mang tới giá trị sử dụng cao là điều mà mỗi doanh nghiệp có thể đạt được trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 như hiện nay.

Về năng lực quản lý

Đa số các doanh nghiệp đều trang bị các phần mềm kế toán nhằm giúp tiết kiệm thời gian cho việc thực hiện các phép tính, thống kê số liệu kế toán phức tạp, đảm bảo độ chính xác cao, hạn chế sai sót số liệu tối ưu so với việc tính toán, thống kê bằng phương pháp thủ công... Ngoài ra, còn hỗ trợ nhà quản lý ra quyết định nhanh chóng, hiệu quả. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn có thể tăng năng suất làm việc của bộ phận kế toán, từ đó tiết kiệm được chi phí nhân lực cũng như các loại chi phí khác. Tuy nhiên, nhiều nhà quản lý do trình độ năng lực chưa cao nên việc khai thác, ứng dụng và kiểm tra thông tin do các phần mềm kế toán mang lại chưa được sử dụng tối ưu.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NINH BÌNH

3.1. Giải pháp nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán

3.1.1. Giải pháp lựa chọn phần mềm kế toán có chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả

Doanh nghiệp cần lựa chọn phần mềm phù hợp nhu cầu và nhà cung cấp đáng tin cậy, đủ khả năng triển khai và xử lý khi gặp sự cố phần mềm. Doanh nghiệp cần thành lập tổ dự án phát triển hệ thống thông tin kế toán; tính toán chi phí đầu tư cho hệ thống bao gồm cả phần mềm và phần cứng; khảo sát và đánh giá khả năng hỗ trợ nhà cung cấp phần mềm; khảo sát và đánh giá tính khả dụng của phần mềm. Lựa chọn phần mềm cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thứ nhất là, lựa chọn phần mềm kế toán có hình ảnh trực quan, sinh động, dễ hiểu, hướng dẫn chi tiết để người dùng dễ học và dễ sử dụng.
- Thứ hai là, phần mềm kế toán chi phí hợp lý, phù hợp với đặc thù đặc điểm của đơn vị. Có thể xây dựng riêng cho đơn vị đảm bảo hiệu quả tối ưu nhất. Phần mềm khi đầu tư với giá cả hợp lý, được sử dụng lâu dài đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, giúp cho nhân viên nghiệp vụ dễ dàng xử lý hơn khi muốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường... Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa đầu tư PMKT, khi chọn PMKT nên xem xét đến các nhân tố sau: Tính năng của phần mềm, yêu cầu của người sử dụng, điều kiện hỗ trợ, nhà cung cấp phần mềm, dịch vụ sau bán hàng và chi phí sử dụng phần mềm
- Thứ ba, ngoài việc các phần mềm kết xuất báo cáo ra các tích hợp tương ứng như Excel, Word, PDF dễ dàng, tiện lợi thì cũng hỗ trợ thêm chức năng in và chỉnh sửa văn bản trên phần mềm. Có tích hợp các phần mềm kê khai hỗ trợ thuế, có thể xuất hóa đơn điện tử...

- Thứ tư, phần mềm cho phép quản lý người dùng bằng cách cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền cho người sử dụng có quyền hay không có quyền thực hiện các thao tác thêm, sửa, xoá, nạp dữ liệu & in ấn....
- Thứ năm, Phần mềm phải lưu hết nhật ký truy nhập, theo dõi các hành động của từng người sử dụng trên từng chức năng chương trình để quản lý truy cập người dùng.
- Thứ sáu, Các phần mềm cũng phải sao lưu dữ liệu theo trình tự thời gian và cũng phải phục hồi được 100% dữ liệu khi khôi phục được sự cố. Đảm bảo dữ liệu được luôn được an toàn, đầy đủ.
- Thứ bảy, Phần mềm có thể nâng cao khả năng bảo hành, bảo trì. Việc nâng cao khả năng bảo hành, bảo trì đòi hỏi phần mềm phải kiểm soát các lỗi trong mỗi quá trình sử dụng để có thể khắc phục sự cố nhanh nhất; phần mềm thiết kế dễ dàng nâng cấp và phải được nâng cấp thường xuyên

3.1.2. Lựa chọn nhà cung cấp và dịch vụ sau bán hàng của nhà cung cấp PMKT

- Điều kiện hỗ trợ Nhà cung cấp PMKT: phải thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn cho các nhân viên kế toán của doanh nghiệp về cách sử dụng PMKT để dàng tiếp cận được tư vấn chi tiết các tính năng cũng như các thao tác sử dụng phần mềm khi trích xuất thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp hài lòng về dịch vụ hỗ trợ cũng như chất lượng sản phẩm PMKT thì uy tín cũng được nâng cao.
- Dịch vụ sau bán hàng: Các nhà cung cấp phần mềm nên xem xét ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập, phát triển các chính sách tặng phần mềm sản phẩm hoặc cho dùng thử có thời hạn, kèm theo hạn chế về số phiếu nghiệp vụ, số chứng từ. Các doanh nghiệp trong thời gian đầu thành lập sẽ chưa có số lượng phát sinh chứng từ nhiều nên sẽ chấp nhận sử dụng phần mềm miễn phí. Đến khi doanh nghiệp phát triển, với nguồn lực tài chính cho phép, sẽ mua để tiếp tục sử dụng phần mềm. Ngoài ra, các nhà cung cấp phần mềm nên có các chương trình khuyến mãi, tặng quà cho người giới thiệu. Khi doanh nghiệp đã từng mua và sử dụng PMKT của nhà cung cấp, giới thiệu cho một doanh nghiệp khác mua thành công, thì sẽ nhận được các chương trình khuyến mãi như miễn

phí cập nhật phần mềm khi cơ quan nhà nước có thay đổi chính sách...

3.1.3. Lựa chọn chất lượng phần cứng

Doanh nghiệp cần chọn nhà cung cấp phần cứng đáng tin cậy và phù hợp theo các tiêu chuẩn đánh giá sau:

- Công suất: Tốc độ xử lý, dung lượng bộ nhớ.
- Giá cả: Chi phí mua sắm, chi phí vận hành và bảo dưỡng hệ thống.
- Hiệu năng: Độ tin cậy các biện pháp sửa chữa sai sót.
- Tương thích: Có khả năng tương thích cao với các thể hệ máy tính khác nhau.
- Môđun hóa: Cho phép nâng cấp khi bổ sung một module mới.
- Công nghệ: Sử dụng công nghệ tiên tiến.
- Khả năng kết nối: Dễ dàng kết nối mạng LAN, WAN, Internet.
- Bảo trì: Có điều kiện bảo trì thuận tiện.

3.1.4. Nâng cao năng lực quản lý tại đơn vị

Nhà quản lý doanh nghiệp cần nâng cao trình độ chuyên môn về nghiệp vụ kế toán tài chính cũng như kế toán quản trị. Nhà quản lý phải thường xuyên cập nhật những thông tin liên quan đến các chuẩn mực kế toán, thông tư của Bộ Tài chính, Nghị định và những quyết sách của Chính phủ để có thể xây dựng và phát triển PMKT đúng đắn và hiệu quả. Nhà quản lý doanh nghiệp cần xây dựng được các chính sách quản lý nguồn lực công nghệ thông tin, tư vấn và lựa chọn đúng giải pháp để đáp ứng yêu cầu quản lý, yêu cầu cho việc thực hiện kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tuân thủ luật pháp.

3.2. Một số điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

** Về phía Nhà nước:*

Các cơ quan trong tỉnh cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng cường hoạt động và phát triển đặc biệt là các doanh nghiệp phát triển phần

mềm và phần mềm kế toán. Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, cần có các chính sách thúc đẩy sử dụng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin 100% trong các doanh nghiệp để đáp ứng được nhu cầu số hóa và nhu cầu cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ sở hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho các Công ty cạnh tranh lành mạnh. Bên cạnh đó đưa ra các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia diễn đàn, hội thảo về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các đơn vị. Bộ tài chính phải ban hành hệ thống các quy phạm pháp luật, hệ thống các văn bản phải soạn thảo một cách thống nhất, kịp thời, đơn giản, dễ hiểu và đặc biệt là phải phù hợp với điều kiện thực tế của các doanh nghiệp hiện nay để các doanh nghiệp có thể thực hiện theo tinh thần hướng dẫn của Nhà nước.

** Về phía Công ty:*

+ Đối với các doanh nghiệp chưa sử dụng phần mềm kế toán thì cần mua mới phần mềm kế toán phù hợp để giảm tải công việc cho kế toán, tăng hiệu quả hạch toán kế toán vì tốc độ nhập dữ liệu vào máy tính thực hiện nhanh hơn so với phương pháp kế toán thủ công; cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ chính sách của Nhà nước, đảm bảo khả năng xử lý thông tin, lưu trữ thông tin, tiết kiệm chi phí.

+ Đối với các doanh nghiệp đã và đang sử dụng phần mềm kế toán: Cần thường xuyên bảo hành bảo trì phần mềm, nâng cấp phần mềm kế toán cập nhật thông tư nghị định mới.

Các doanh nghiệp cần quan tâm phát triển hơn nữa đội ngũ kế toán, đặc biệt là các kế toán sử dụng phần mềm để áp dụng tin học hóa công tác kế toán đạt hiệu quả cao. Các doanh nghiệp nên có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ kế toán viên, thường xuyên tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các buổi hội thảo, tập huấn của các đơn vị cung cấp phần mềm kế toán về các phiên bản mới của phần mềm, cách thức sử dụng phần mềm, dễ dàng tiếp cận được các tính năng cũng như các thao tác sử dụng phần mềm khi trích xuất thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất. Ngoài ra, các doanh nghiệp nên đầu tư một số máy móc thiết bị hiện đại để có thể khai thác hết được

công suất của phần mềm sử dụng, nâng cấp đường truyền wifi, mạng Lan để đảm bảo cho phần mềm hoạt động liên tục, hiệu quả.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nền kinh tế nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, vai trò của công nghệ thông tin đối với công tác kế toán rất cần thiết và cấp bách bởi hệ thống thông tin kế toán tốt sẽ cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ, trung thực, có độ tin cậy cao và hữu dụng.

Trên cơ sở lý luận về kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phần mềm kế toán, thực trạng về sử dụng phần mềm kế toán ở Việt Nam cũng như ở địa bàn thành phố Ninh Bình qua các phiếu khảo sát về nhu cầu sử dụng phần mềm kế toán để đưa ra những báo cáo kết luận về tình hình sử dụng phần mềm kế toán tại Ninh Bình, đưa ra những giải pháp cho tổ chức sử dụng hiệu quả phần mềm kế toán và đề xuất kiến nghị hỗ trợ nhu cầu sử dụng phần mềm.

Bài nghiên cứu đã mạnh dạn đưa ra một số giải pháp cho công tác thiết kế phần mềm kế toán sao cho phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp như các bút toán trùng xử lý, đánh giá hàng tồn kho... kiến nghị hỗ trợ nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán nhằm hỗ trợ để triển khai mới hoặc nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm kế toán, trong đó đề xuất với doanh nghiệp về quản lý bộ phận kế toán và ứng dụng công nghệ thông tin về phần cứng và phần mềm kế toán đào tạo nhân viên kế toán có kiến thức về công nghệ thông tin cũng như PMKT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Đoàn Xuân Tiên, Ths. Nguyễn Vũ Việt (chủ biên), *Giáo trình kế toán máy*, NXB tài chính, 2014.
2. Công ty cổ phần SIS Việt Nam, *Giáo trình phần mềm kế toán máy SAS INNOVA*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, 2009.
3. Thông tư 103, ngày 24/11/2005 của Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán
4. Bộ tài chính (2014), *Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 về chế độ kế toán doanh nghiệp*.
5. Bộ tài chính (2016), *Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 về chế độ kế toán doanh nghiệp*.
6. *Từ điển thuật ngữ kế toán*, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Mai Hoà (2016), Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CP đầu tư kinh doanh tổng hợp D&C, luận văn thạc sỹ, trường Đại học Lao động - Xã hội Hà Nội
8. Nguyễn Quỳnh Trang (2020). *Nghiên cứu tác động của chất lượng thông tin kế toán đến quá trình ra quyết định của doanh nghiệp Việt Nam*. Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Thị Thanh Hoa (2017), Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn PMKT của các DN vừa và nhỏ tại TPHCM, Luận văn Thạc sỹ, ĐH Kinh tế TP HCM
10. Võ Văn Nhị (2014), “Định hướng lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp cho các DNNVV tại Việt Nam”, Tạp chí phát triển kinh tế, ĐH Kinh tế TP HCM. Niên giám thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2020, 2021, 2022
11. Các trang web về phần mềm kế toán:
<http://www.misa.com.vn/>
<http://www.fast.com.vn/>
<http://www.mof.gov.vn/>
[http://www.bravo.com.vn /](http://www.bravo.com.vn/)
<http://www.webketoan.com/>
<http://www.kiemtoan.com.vn/>
<http://www.wikipedia.org/>

PHỤ LỤC 1: Phiếu khảo sát
KHẢO SÁT VỀ THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Kính gửi Quý Doanh nghiệp.

Nhằm mục đích phục vụ cho việc nghiên cứu đề hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học, nhóm tác giả xin được phép thu thập một số thông tin và ý kiến của Quý Doanh nghiệp về “Thực trạng sử dụng phần mềm kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Ninh Bình”. Vì vậy, nhóm tác giả rất mong Quý anh/ chị dành chút thời gian để điền vào phiếu khảo sát này. Mỗi ý kiến đánh giá quý báu của Quý anh/ chị có giá trị và ý nghĩa rất lớn đối với nhóm tác giả trong quá trình hoàn thành đề tài. Nhóm tác giả xin cam kết tất cả các thông tin Quý anh/ chị cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu trong phạm vi đề tài này.

Chân thành cảm ơn!

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

1. Anh/ chị vui lòng cho biết một số thông tin về công ty.

Tên công ty:.....

Địa chỉ công ty:.....

Ngành nghề kinh doanh:.....

2. Anh/ chị vui lòng cho biết giới tính của bạn

☐ Nam

☐ Nữ

3. Độ tuổi của bạn

☐ 20-25

☐ 25-30

☐ 30-40

☐ Trên 40

4. Trình độ học vấn của bạn

☐ Cao đẳng, trung cấp

☐ Cử nhân

☐ Thạc sĩ

☐ Tiến sĩ

☐ Trên tiến sĩ

5. Lĩnh vực mà doanh nghiệp của công ty anh/ chị hoạt động

☐ Sản xuất kinh doanh.

☐ Thương mại

☐ Dịch vụ

☐ Khác.

6. Anh/ chị vui lòng cho biết số lượng lao động trong công ty của quý anh/ chị.

☐ Dưới 10

☐ Từ 10-50

☐ Từ 50 đến 100

☐ Trên 100

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1: Phần mềm kế toán Công ty anh/ chị đang sử dụng là phần mềm kế toán nào?

.....

Câu 2: Anh/chị đánh giá như thế nào về khả năng sử dụng phần mềm kế toán của bản thân?

☐ Không biết;

☐ Kém;

☐ Bình thường;

☐ Tốt;

☐ Rất tốt

Câu 3: Bạn đánh giá như thế nào về việc ứng dụng phần mềm kế toán vào công việc ?

1-Không cần thiết

2 - Ít cần thiết

3 - Không biết

4 - Cần thiết

5 - Rất cần thiết

Câu 3: Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn phần mềm kế toán của doanh nghiệp. Anh/ chị vui lòng cho biết đánh giá của anh/ chị về các nội dung sau. Đánh giá về mức độ cần thiết của từng mục tiêu theo 5 mức độ (Anh/ chị đánh dấu X vào ô tương ứng)

Nội dung	Không cần thiết	Ít cần thiết	Không biết	Cần thiết	Rất cần thiết
I.Yêu cầu của người dùng phần mềm					
Phù hợp với quy định của pháp luật, chế độ kế toán của Doanh nghiệp					
Phù hợp với đặc điểm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp					
Phù hợp với yêu cầu xử lý và cung cấp thông tin kế toán					
Phù hợp với yêu cầu tích hợp dữ liệu, lập báo cáo tài chính					
Phù hợp với tốc độ xử lý thông tin					
Phần mềm có giao diện dễ nhìn, dễ sử dụng, dễ kiểm tra và thuận tiện truy xuất thông tin					

II.Các tính năng của phần mềm					
Tính linh hoạt					
Độ tin cậy và chính xác cao					
Bảo mật thông tin và an toàn					
Khả năng tương thích, nâng cấp và cập nhật theo chế độ					
III.Chi phí sử dụng phần mềm					
Giá mua phần mềm					
Chi phí vận hành					
Phí bảo trì bảo hành					
IV.Nhà cung cấp phần mềm					
Có danh tiếng trên thị trường phần mềm					
Khả năng hướng dẫn tốt của nhà cung cấp cho người sử dụng					
Khả năng hỗ trợ tốt từ nhà cung cấp trong việc bảo trì và nâng cấp phần mềm					
V.Dịch vụ sau bán hàng					
Dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt					
Chế độ bảo hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm tốt					

Hệ thống nhân viên tư vấn, hỗ trợ khách hàng chuyên nghiệp					
Nhà cung cấp sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn					

Câu 4: ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN

Anh/ chị vui lòng cho biết đánh giá của anh/ chị về các nội dung sau.Đánh giá về mức độ cần thiết của từng mục tiêu theo 5 mức độ (Anh/ chị đánh dấu X vào ô tương ứng)

Nội dung	Không cần thiết	Ít cần thiết	Không biết	Cần thiết	Rất cần thiết
I.Mức độ cần thiết các kỹ năng sau đây đối với người sử dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp					
Khả năng sử dụng tin học					
Khả năng ngoại ngữ					
Khả năng tự học tự cập nhật kiến thức					
II.Về mức độ cần thiết của các kiến thức sau đây đối với người sử dụng phần mềm kế toán					
1.Kiến thức về kinh tế cơ bản					

2.Kiến thức về luật kinh tế, luật kế toán					
3.Kiến thức chuyên ngành kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán					
4.Kiến thức về quản trị kinh doanh					
5.Kiến thức về tin học					

Câu 5: Bạn đánh giá thế nào về các chính sách của doanh nghiệp nơi bạn đang công tác?

Nội dung	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt
Chính sách đào tạo					
Chính sách đãi ngộ					
Chính sách hỗ trợ					

Câu 6: Bạn đánh giá như thế nào về cơ sở vật chất của doanh nghiệp nơi bạn đang công tác?

Nội dung	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt
Hệ thống máy móc thiết bị					
Hệ thống mạng, wifi					

Câu 7: Theo anh/ chị cần thêm những giải pháp nào nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp hiện nay?

.....

.

.....

.

Câu 8. Anh/ chị có đề xuất những kiến nghị nào đối với phần mềm kế toán để hỗ trợ công tác kế toán được tốt hơn nữa?

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn quý Anh/Chị đã dành thời gian hoàn thành bảng khảo sát!

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH DOANH NGHIỆP THAM GIA KHẢO SÁT

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ, SĐT
1	Công ty CP tập đoàn ĐTXD Cường Thịnh Thi	Ninh Bình
2	Công ty CP DV VT Vissai	TP Ninh Bình
3	Công ty CP TM và DV An Gia Bình	02293612111
4	Công ty TNHH Quang Linh Huy	Thành phố Ninh Bình
5	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp tỉnh Ninh Bình	Lô c7, KCN giáng khẩu, Gia Viễn, Ninh Bình
6	Trường THCS Yên Ninh	Thôn Phú Tân, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
7	Công ty IPS	Phường Bích Đào, TPNB - 0912215000
8	CÔNG TY TNHH MTV HỒNG TIẾN	310 Nguyễn Huệ, phường Ninh Phong, Ninh Bình
9	CÔNG TY TNHH ĐIỆN LẠNH PHÚ MỸ LINH	Ninh Thượng - Ý Yên - Nam Định
10	Công ty TNHH Thân Thiện Ninh Bình	0965462915
11	Công ty TNHH XD&TM Thành Trung	Số 69, đường Triệu Việt Vương, TT Yên Ninh, H yên Khánh, T Ninh Bình - 0345.362.799
12	Taxi Mai Linh	NINH BÌNH - 0898709567
13	Công ty nguyên dương	Thôn Hải Nham - xã Ninh Hải - huyện Hoa Lư - tỉnh Ninh Hải
14	TNHH TM và DV Yên Nhi	phố 9, Đông Thành, NB
15	Công ty Xây dựng Xuân Quyền	1055
16	DNTN Nhung Dương Linh	Phong Phúc, Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình
17	Công ty thương mại dịch vụ Hoa Hồng	0943302790
18	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI TRƯỜNG MINH	Xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
19	Công ty TNHH MTV Xây dựng Minh	0838882833

	Đăng Group	
20	Công ty TNHH Giấy vở Hồng Diệp	Đông thành, TP Ninh Bình
21	CT CPSX và TMDL Long Thúy Đăng	Xóm Ngoài, Xã Yên Phong, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình
22	CT TNHH & TM Vạn Vĩnh Phát	0912.067.410
23	Công ty May Ngọc Hòa	0913 391 393
24	CÔNG TY TNHH MTV TRÀNG AN NINH BÌNH	180 đường 30/6 phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình
25	Công ty CP tập đoàn Xuân Khiêm	Số 50 đường Tuệ Tĩnh phố Phúc Chính 2 phường Nam Thành TPNB
26	công ty TNHH vàng bạc Hương Sơn Ninh Bình	74 Đinh tiên Hoàng, Tp Ninh Bình
27	CT TNHH đào tạo và truyền thông BAV Ninh Bình	721 Nguyễn Công Trứ, phường Bích Đào, TP Ninh Bình
28	CT TNHH SX&PTTM Fapro	Phố Khánh Tân, Phường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình, Ninh Bình
29	CT TNHH XD& TM Mai Phương Đức	SN942, Trần Hưng Đạo, Phúc Thành, Ninh Bình
30	Công ty TNHH MTV Luxer Việt Nam	SN 105 Ngõ 4 đường Nam Bình - P. Nam Bình - TP. Ninh Bình.
31	CT TNHH Hậu Nam	Số 342 phố Thiện Tâm, P. Ninh Sơn TPNB
32	CT Bảo hiểm Bảo Long NB	Số 385 đường Trần Hưng Đạo phường Ninh Khánh TPNB
33	CT TNHH XD & TM Hải Nam Long	Sn 132 phố Bình Chương đường Trần Hưng Đạo, Tp Ninh Bình
34	Công ty CPĐT và TM LAM GIANG	Số 90 đường Lê Hồng Phong, phường Vân Giang, Tp Ninh Bình
35	CTCP Cấp thoát nước Ninh Bình	TP Ninh Bình
36	CT TNHH Nguyệt Phong Lan	Km 3, đường 1A, Phường Ninh Phong, Thành phố Ninh Bình, Ninh

		Bình
37	Nhà máy số 1 Công ty Thời trang ITas Mars Intimates	Số 12 Văn Tiến Dũng Quảng Trường 2, TP. Ninh Bình
38	Doanh Nghiệp Tư nhân Hoàng Sơn	Phường Đông Thành – TP Ninh Bình
39	Quang Linh Huy	98 Trịnh Tú, Khánh Tân, Ninh Khánh, Ninh Bình
40	Công ty TNHH Khách sạn Ninh Bình Legend	0946500066
41	Trường Mầm non Mai Thế Hệ	Số 177 KĐT Xuân Thành, Ninh Khánh, Tp. Ninh Bình
42	Công ty CP bê tông cốt liệu sạch Thịnh Hưng	TP Ninh Bình
43	Công Ty cổ phần đầu tư phát triển bảo lộc	Cầu Yên - Ninh An - Hoa Lư - Ninh Bình
44	Công ty Trung Linh Phát	Số 39A, ngõ 75 đường Lê Thái Tổ , phường Ninh Khánh, Tp ninh bình
45	Công ty xây dựng Trường Xuân	Đường Tràng An , phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình
46	Công ty DNTN Bằng Nghĩa	Xã Ninh Tiến, TP Ninh Bình
47	Công ty TNHH Komian	Số 131 Đường Lê Thái Tổ, Phường Tân Thành, Tp Ninh Bình
48	Công ty điện tử và công nghệ Nhất Thành	Số 99, phố 8 , Phường Vân Giang, Thành Phố Ninh Bình
49	CT TNHH HẢI NAM	Số 6 đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, phường Nam Bình, Tp Ninh Bình
50	Công ty cơ khí Ninh Bình	Phố Phúc Thịnh, phường Bích Đào TPNB
51	CT CƠ KHÍ Ninh Bình	Phố Phúc Thịnh, Phường Bích Đào, Tp Ninh Bình
52	TNHH MTV Sơn và Chống thấm Tiến Nguyệt	Số 1119, đường Trần Hưng Đạo, phố 14 Phường Vân Giang, TPNB

53	TNHH MTV Phi Nhung	Số 49 ngõ 135 Lê Thái Tổ phường Ninh Khánh TPNB
54	TNHH & CN An Đại Phát	Số 31 ngõ 181 đường Đông Phương Hồng TPNB
55	TNHH xây dựng và nội thất Hải Anh	Số nhà : 904 phố 7 thị trấn Yên Ninh, Yên Khánh
56	Công ty TNHH MTV Đại Phong Thủy	501 Trần Hưng Đạo , Ninh Khánh , Ninh Bình
57	GĐTC TNHH TM & DV Ngọc Thủy Anh	Số 844 đường Trần Hưng Đạo TPNB
58	Công ty TNHH FN Oil Ninh Bình	Phố Thiện Tân, Phường Ninh Sơn, Ninh Bình
59	Công ty TNHH TM&SX ACE	Số nhà 262 đường Trần Hưng Đạo, phường Ninh Khánh
60	Công ty TNHH phát triển Trọng Nghĩa	SN 167, đường Nguyễn Huệ, Phường Nam Bình, TPNB
61	Công ty TNHH SX&TM Lược Sỹ	Số 50 , phố 9 , phường Đông Thành , TPNB
62	GĐ CT TNHH SX&TM ĐIỆN MÁY HÙNG THỊNH PHÁT	SN 10, Ngõ 177 đường Trần Quang Khải , Ninh Bình
63	GĐ CT TNHH MTV cơ khí kết cấu Hải Dương	Sn 04, Thiện Tiến, Ninh Sơn, Thành phố Ninh Bình
64	CT TNHH xây dựng Mỹ thuật Xuân Áng	Số 41/326, đường Nguyễn Nguyễn Công Chứ, phường Phòng Sơn, Ninh Bình
65	GĐ CT TNHH Nội Thất Xây Dựng Phúc Nam	Nhà số 3 Ngõ 19/69 Đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Thành, TP Ninh Bình
66	GĐ Công ty TNHH đầu tư và thương mại Hưng Hà	510, Phường Ninh Sơn, TP Ninh Bình
67	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Shila	Ninh bình

68	Cửa hàng KD phụ tùng máy công trình Hiệu Sen	Ninh Bình
69	PGĐ CT TNHH cơ khí xây dựng Tiến Lộc	Thôn Phúc Sơn 1, xã Ninh Tiến, Tp Ninh Bình
70	GĐ CT cổ phần VICC	Số 84/190 đường Trần Phú, phố Phúc Chính 1, phường Nam Thành, Tp Ninh Bình
71	Nhà thuốc Havaness (thiên phú 1)	Phường Nam Thành, TP Ninh Bình
72	GĐ CT TNHH SX & TM Tài Mãi	Số 238, đường Triệu Việt Vương, phường Bích Đào, TP Ninh Bình
73	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT - XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI C.E.T	Địa chỉ: Số 46 Phố Trạm, Long Biên, Hà Nội
74	cty đầu tư ô tô ninh bình	63 Lê Đại Hành, Tp Ninh Bình
75	Mediamart điện máy	0326642020
76	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Hoàng Long	0337681414
77	Công ty cổ phần công nghệ Evotek Việt Nam	Tầng 6, 7 Tòa nhà Hoàng Ngọc, số 4, ngõ 82 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
78	"Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và phát triển Hưng Dũng"	Số 1065- Đường Trần Hưng Đạo- Phường Vân Giang- Tp Ninh Bình, 0914.771.616
79	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGUYỄN THÀNH	45 Xuân Thành, Tân Thành, TP. Ninh Bình
80	Công ty TNHH Mai Linh Ninh Bình	Khu Đô Thị Mới, Phố Phúc Trì, Phường Nam Thành , Tp Ninh Bình
81	Trường mầm non Đông Thành	Phường Bích Đào, TP Ninh Bình
82	Công ty TNHH du lịch Hợp Doanh	SN 960, Trần Hưng Đạo, P Phúc Thành, Tỉnh Ninh Bình

83	Chi nhánh Mobifone tỉnh Ninh Bình	Số 48, đường Phùng Hưng, phố Phong Quang, phường Nam Bình
84	Công ty TNHH sản xuất cơ khí & thương mại Tuấn Ngọc	Số nhà 04, ngõ 171, Đường Nam Thành, P Phúc Thành, Tp Ninh Bình
85	Công ty đầu tư và công nghệ Ihouse	SN 262, đường Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Khánh
86	Dn tư nhân Nguyễn Hường	Đường Trần Nhân Tông, Phố An Hoà, phường Ninh Phong
87	Công ty TNHH TM&DV vận tải Long Bình An	845, Nguyễn Công Trứ - TPNB
88	CT TNHH MTV Đức Lộc Phát	Phường Nam Bình
89	Chi nhánh CT TNHH hãng kiểm toán quốc tế RUBIK	Cây Xăng Tràng An, Ninh Tiến
90	CÔNG TY HÀ THÀNH NINH BÌNH	Đường Tô Vĩnh Diện, phường Tân Thành
91	Công ty TNHH DV XD TM Hải Vân	Cầu Loan Hạ 1, Xã Ninh Tiến, Thành phố NB
92	Công ty tổ chức sự kiện Đức Thịnh	Phố 9 - Đông Thành - TPNB
93	Trường tiểu học Đông Thành	Bích Động - Hoa Lư - Ninh Bình
94	Công ty TNHH Hải Nam	KCN Phúc Sơn, Ninh Phúc, Ninh Bình
95	Công ty TNHH dịch vụ du lịch Bích Động	0969231984
96	Công ty TNHH vận tải và thương mại Duy Long	Ninh Vân - Hoa Lư - Ninh Bình
97	GĐ Công ty TNHH Quảng cáo và Thương mại AMAX	Ninh Bình
98	CÔNG ty TNHH vận tải Ánh Tùng	Phố 2 Đông thành -TP Ninh Bình
99	Công ty Đá mỹ nghệ Tuấn Thành	02293612111
100	Công ty CP tập đoàn ĐTXD CTT	Thành phố Ninh Bình